

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY



PETROLIMEX

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2020

04



I. PHẦN MỞ ĐẦU

Thông điệp của Chủ Tịch Hội đồng quản trị

Một số chỉ tiêu cơ bản

MỤC LỤC

54



V. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban

Tổng Giám đốc

Kế hoạch, định hướng của HĐQT

Các nhiệm vụ giải pháp trọng tâm

10



II. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin chung

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Giới thiệu Ban lãnh đạo

Định hướng phát triển

Các rủi ro

62



VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Giao dịch và thu lao của HĐQT, BKS và BGD

30



III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

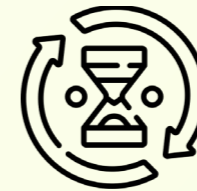
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình tài chính

Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

68



VII. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

44



IV. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Công tác đầu tư CSVCKT

Công tác tổ chức, lao động, tiền lương

Công tác quản trị nội bộ

Công tác an toàn, PCCC, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội

Phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 và các giải pháp

72



VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



I. PHẦN MỞ ĐẦU

Thông điệp của Chủ Tịch Hội đồng quản trị
Một số chỉ tiêu cơ bản

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông **LÊ TỰ CƯỜNG**

Chủ tịch Hội đồng quản trị



“Năm 2020, một năm đầy thách thức PTS Hà Tây đã nỗ lực không ngừng vượt qua các khó khăn, củng cố vị thế của Petrolimex, giữ vững thương hiệu của mình những con số về doanh thu, lợi nhuận đáng khích lệ.”



Doanh thu thuần
424.064 Triệu đồng



Lợi nhuận sau thuế
3.675 Triệu đồng



Tổng sản lượng vận tải xăng
dầu
49,8 Triệu m3.km



Tổng sản lượng bán xăng dầu
26.819 m3

Kính thưa Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây,

Năm 2020 là một năm đầy khó khăn đối với toàn thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Ngay từ đầu năm 2020 dịch bệnh Covid-19 bùng phát gây ảnh hưởng đến mọi mặt về kinh tế xã hội. Đối với Việt Nam, dưới sự chỉ đạo sát sao cũng như đề ra các chính sách phòng chống dịch bệnh của Đảng và Nhà Nước tốc độ tăng trưởng GDP đạt 2,91% năm 2020. Tuy mức tăng trưởng chưa đạt được so với kế hoạch đề ra nhưng đây là mức tăng trưởng tích cực đáng khích lệ trong tình hình dịch bệnh Covid-19 này.

Trong hoạt động vận tải thì năm 2020 phải kể đến những điểm mới và những khó khăn phải đối mặt: Nghị định 100 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ; Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/08/2019 của Bộ GTVT thay thế TT số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015, cũng là yếu tố làm giảm năng suất hoạt động của phương tiện vận tải. Trong hoạt động kinh doanh xăng dầu việc cạnh tranh gay gắt giữa công ty với các đối thủ.

Vượt qua những khó khăn của nền kinh tế trong giai đoạn vừa qua, năm 2020 PTS Hà Tây đã đạt được những kết quả vượt chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Tổng sản lượng vận tải xăng dầu đạt 49,8 triệu m3.km bằng 102,4% kế hoạch
- Tổng sản lượng bán xăng dầu đạt 26.819 m3 bằng 108% kế hoạch
- Doanh thu thuần là 362.700 triệu đồng và thực hiện đạt 424.064 triệu đồng, vượt mức so với kế hoạch đặt ra là 16,92%.
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 4.650 triệu đồng đạt 108,8% kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế: 3.675 triệu đồng bằng 79,4% so với thực hiện năm 2019.

Những con số trên đã cho thấy sự nỗ lực không ngừng, sự đoàn kết của toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty trong năm vừa qua. Bằng ý chí kiên cường sự quyết tâm, cùng với sự chỉ đạo của Ban điều hành đã đưa ra các chính sách, chiến lược giúp Công ty vươn lên và đạt được kết quả đáng kỳ vọng, khẳng định niềm tin, uy tín của khách hàng, đối tác đối với Công ty. Qua đó củng cố được vị thế của Petrolimex nói chung và thương hiệu của Công ty nói riêng.

Năm 2021 sẽ tiếp tục với những diễn biến khó lường đối với cả tình hình kinh tế thế giới cũng như kinh tế Việt Nam khi dịch bệnh trên thế giới vẫn đang diễn biến phức tạp. Đây là thách thức đối với PTS Hà Tây song cũng là cơ hội tốt để Công ty khẳng định vị thế của mình. Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng, chúng tôi tin tưởng rằng PTS Hà Tây đã sẵn sàng để đón nhận những cơ hội và phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin được gửi lời cảm ơn và lời chúc tốt đẹp nhất tới quý vị - những người đã dành thời gian và tâm huyết, đồng hành cùng Công ty trong suốt khoảng thời gian vừa qua.

Xin chân thành cảm ơn!

Thay mặt Hội đồng quản trị,
Chủ tịch (ký tên)



LÊ TỰ CƯỜNG

Chỉ tiêu	Đơn vị	2020	2019
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh thu thuần	Triệu đồng	424.060	625.860
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	49.250	56.622
Chi phí hoạt động	Triệu đồng	41.407	46.602
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	4.506	5.342
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	Triệu đồng	-3.337	-4.677
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Triệu đồng	144	476
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.650	5.818
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.675	4.628
Bảng cân đối kế toán			
Tổng tài sản	Triệu đồng	102.577	124.195
Vốn điều lệ	Triệu đồng	35.032	35.032
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	50.225	51.177
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu			
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	3,24%	3,85%
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	7,25%	10,41%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VNĐ	1.049	1.515

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN

II. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin chung

Quá trình hình thành và phát triển

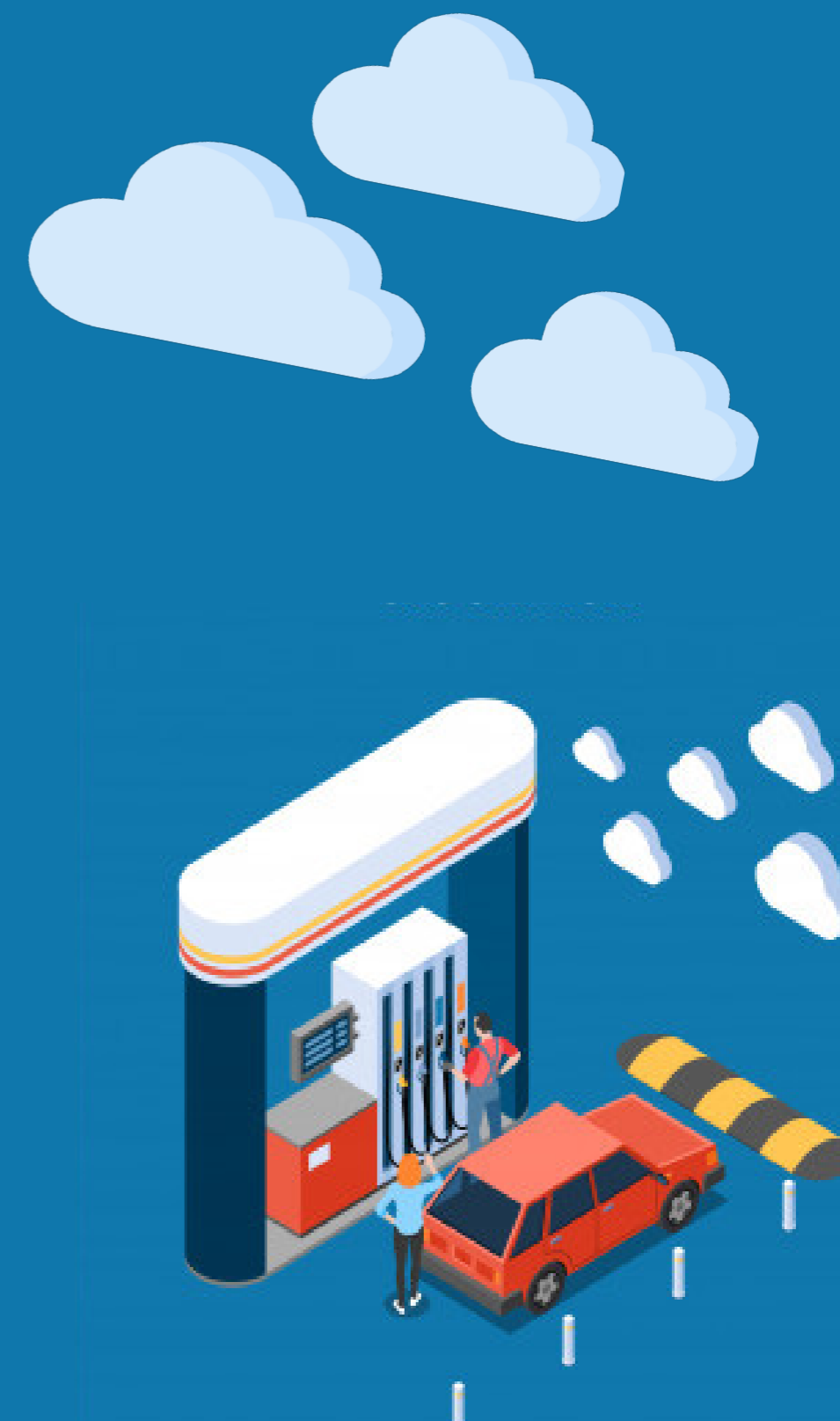
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý


Giới thiệu Ban lãnh đạo

Định hướng phát triển

Các rủi ro



2.1. THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp: 0500387891 - Đăng ký lần đầu: ngày 14/11/2000 - Đăng ký thay đổi lần thứ 14: ngày 26/10/2020 - Nơi cấp: Sở KH & ĐT Thành phố Hà Nội
Vốn điều lệ	35.031.640.000 VNĐ
Địa chỉ	Km17, Quốc lộ 6, Phường Đồng Mai, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại	024 33535228
Số fax	024 33531214
Website	https://ptshatay.petrolimex.com.vn/
Người đại diện theo pháp luật	1. Ông Lê Tự Cường - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty 2. Ông Nguyễn Từ Bình - Giám đốc Công ty
Mã cổ phiếu	PTH
Logo	

2.2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2001

Công ty thành lập chi nhánh tại Hòa Bình

2000

Công ty được thành lập dưới tên CTCP VT&DV Petrolimex Hà Tây với vốn điều lệ là 6 tỷ đồng

2002

Công ty thành lập chi nhánh tại Hà Nội

2003

Công ty tăng vốn điều lệ thành 6,5 tỷ đồng thông qua việc chuyển giao tài sản từ Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

2006

Công ty tăng vốn điều lệ lên 10 tỷ đồng

2007

Công ty thành lập chi nhánh xây lắp và dịch vụ

2009

Công ty tăng vốn điều lệ lên 16 tỷ đồng bằng phương thức chào bán cổ phiếu ra công chúng

2010

Công ty được sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp nhận đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM

2017

Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tăng vốn điều lệ từ 16 tỷ đồng lên 18.399.750.000 đồng.

2018

Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tăng vốn điều lệ từ 18.399.750.000 đồng lên 21.894.780.000 đồng.

2019

Công ty chào bán 1.313.686 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ từ 21.894.780.000 đồng lên 35.031.640.000 đồng

2.3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

1

Kinh doanh vận tải xăng dầu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

2

Bán buôn xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu và các hàng hoá khác

3

Bán lẻ xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu và các hàng hoá khác

Địa bàn kinh doanh:

- _ Hà Nội
- _ Hòa Bình
- _ Sơn La
- _ Điện Biên
- _ Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình
- _ Tái xuất sang Lào
- _ v.v....

Kinh doanh vận tải xăng dầu

Kinh doanh vận tải xăng dầu là hoạt động kinh doanh chính của PTS Hà Tây. Công ty thực hiện vận tải cho các công ty thành viên thuộc Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam. tại địa bàn Hà Nội, Hoà Bình, Sơn La, Điện Biên, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, tái xuất cho Petrokimex Lào.

- Khi cần thiết, PTS Hà Tây còn hỗ trợ vận chuyển cho các Công ty Xăng dầu Bắc Thái, Lào Cai, Cao Bằng, Hà Giang, Thái Bình, v.v.
- Ngoài ra, Công ty còn vận chuyển xăng dầu phục vụ nhu cầu vận chuyển cho nội bộ Công ty. Với năng lực vận tải tốt, hoạt động kinh doanh vận tải là hoạt động có hiệu quả của PTS Hà Tây và đóng góp cho 60% lợi nhuận của Công ty.



Kinh doanh xăng dầu, dầu mỡ nhờn

Với lợi thế là Tổng đại lý xăng dầu cho Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình theo cơ chế kinh doanh của Tổng Công ty áp dụng đối với các công ty cổ phần thành viên và lợi thế vận tải xăng dầu trên địa bàn Hà Nội và Hoà Bình, PTS Hà Tây đã đẩy mạnh hoạt động kinh doanh xăng dầu, dầu mỡ nhờn thông qua việc: Mở cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại địa bàn Hà Nội, Hoà Bình và kết hợp với các đại lý xăng dầu trên các địa bàn này.

Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào các khách hàng tiêu thụ với khối lượng lớn đảm bảo thanh toán tốt, từ đó quyết định chính sách giá hợp lý đảm bảo yếu tố cạnh tranh.



Kinh doanh Khác

Công ty còn triển khai kinh doanh xây lắp, dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng cột bơm, vật tư phụ tùng nhằm đáp ứng nhu cầu nội bộ và có sức cạnh tranh để vươn xa ra thị trường ngoài xã hội đặc biệt là các công ty xăng dầu trong và ngoài ngành



2.4.THÔNG TIN BỘ MÁY QUẢN TRỊ

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ
ĐÔNG

BAN KIỂM SOÁT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

PHÒNG
KINH
DOANH
VẬN TẢI

PHÒNG
THƯƠNG
MẠI

PHÒNG
QUẢN LÝ
KỸ THUẬT

PHÒNG
TỔ CHỨC
HÀNH
CHÍNH

PHÒNG KẾ
TOÁN TÀI
CHÍNH

PTS HÒA
BÌNH

ĐỘI VẬN
TẢI 1,2,3,5

Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, BKS và Kiểm soát viên;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, BKS;
- Quyết định số thành viên HĐQT;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ. Thành viên HĐQT Công ty do ĐHĐCĐ bầu và bãi nhiệm.

Ban giám đốc

Giám đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban giám đốc gồm 1 Giám đốc và 3 Phó Giám đốc.

Ban kiểm soát

Do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;

Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;

Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ.

Các phòng chức năng

Thực hiện tham mưu và quản lý chuyên môn

Các chi nhánh, văn phòng: Thực hiện nhiệm vụ kinh doanh theo những lĩnh vực thuộc ngành nghề đã đăng ký kinh doanh của Công ty.

2.5. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lê Tự Cường

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

05/1992 – 12/1993 : Nhân viên nghiệp vụ Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

01/1994 – 12/1995 : Chuyên viên kinh doanh Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

01/1996 – 09/1996 : Phụ trách phòng KD XN XD K133 Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

10/1996 – 09/1999: Trưởng phòng KD XN XD K133 Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

10/1999 – 09/2000 : Trưởng phòng KD – XN Vận tải & Dịch vụ Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

10/2000 – 12/2006: Ủy viên HĐQT – Trưởng phòng KD Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

01/2007 – 04/2012: Ủy viên HĐQT – Phó giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

04/2012 – 09/2015 : Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

10/2015 – 04/2016 : Chủ tịch HĐQT – Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

04/2016 – 03/03/2018 : Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

03/03/2018 – 18/09/2020: Chủ tịch HĐQT – Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

18/09/2020- nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây



Ông Nguyễn Tử Bình

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế kế hoạch

Quá trình công tác:

01/1995 – 12/1995: Nhân viên cửa hàng DMN – Gas Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

01/1996 – 12/1999 : Chuyên viên Phòng kinh doanh Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

01/2000 – 11/2000: Chuyên viên Phòng kinh doanh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

12/2000 – 12/2006 : Đội trưởng Vận tải Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

04/2003: Ủy viên BKS Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

01/2007 – 12/2010 : Ủy viên BKS – Trưởng phòng kinh doanh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

01/2011 – 18/09/2020: Ủy viên HĐQT Phó giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

18/09/2020- nay: Ủy viên HĐQT Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây



Ông Nguyễn Tiến Cường

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1973

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

09/1997 – 05/2000: Nhân viên bán xăng dầu Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

06/2000 – 03/2003 : Đội phó Vận tải Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

04/2003 – 07/2004: Ủy viên HĐQT Phó giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình

08/2004 – 12/2010: Ủy viên HĐQT Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình

01/2011 – 05/2013: ỦV HĐQT - PGĐ GD chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình

06/2013 - nay: ỦV HĐQT – PGĐ Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây



Ông Vũ Quang Tuấn

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán; Cử nhân Chính trị; Cử nhân Luật; Thạc sĩ Kinh tế Chuyên ngành Thương Mại

Quá trình công tác:

1992 - 1996: Chuyên viên Kế toán, Kho xăng dầu K133 Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

1996 - 1997: Phó trưởng phòng Kế toán, Xí nghiệp Xăng dầu K133 Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

1997 - 1999 :Trưởng phòng Kế toán Tài chính, Xí nghiệp Xăng dầu K133 Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

10/2000 : Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

2000 - 2005 : Phó phòng KTTC Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

2006 – 2011: Trưởng phòng KTTC Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

2012 – 2013: Trưởng phòng Tổng hợp Ban Tài chính kế toán Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

01/04/2013 – 30/06/2014 : Kiểm soát viên các công ty Công ty khu vực 2, Tây Nam Bộ, Bà Rịa – Vũng Tàu và Nghệ An

2014 - 2015: Phó giám đốc Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình, Giám đốc Chi nhánh Xăng dầu Sơn La

2016 – 03/03/2018 : Chủ tịch Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

03/03/2018 - nay: Chủ tịch Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình, Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây



Ông Bùi Trung Định

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

06/2001 – 03/2003: Nhân viên Đội vận tải Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

04/2003– 12/2006: Đội phó Đội vận tải Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

01/2007– 12/2010: Đội trưởng Đội vận tải Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

01/2011–03/2011: Trưởng phòng kinh doanh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

03/2011 – 2017: Thành viên BKS Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

04/2017 – nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các hoạt động của HĐQT đều tuân theo đúng Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ, sau đó triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT để ban Giám đốc điều hành thực hiện.

Những vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT đều trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thuộc thẩm quyền của HĐQT. Việc thảo luận và biểu quyết là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

HĐQT và Ban Giám đốc đã có nhiều nỗ lực, thường xuyên chỉ đạo cán bộ công nhân viên tiết kiệm tối đa các chi phí, duy trì, ổn định hoạt động kinh doanh của Công ty. Các phòng ban luôn có tinh thần trách nhiệm cao, góp phần tích cực trong hoạt động kinh doanh

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Ông Chu Đức Hậu

Trưởng ban Kiểm soát

Sinh năm: 1963

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
kinh tế ngành TCKT

Quá trình công tác:

04/1990 – 01/1995: Chuyên viên kế toán Xí nghiệp dầu lửa Đổ Xá
02/1995 – 03/1995: Phó trưởng phòng kế toán Chi nhánh dầu lửa Đổ Xá
04/1995 – 12/1995: Phó trưởng phòng kế toán tài chính Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
01/1996 – 07/1996: Trưởng phòng kế toán tài chính Xí nghiệp xăng dầu K133 Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
07/1996 – 12/2005: Phó trưởng phòng kế toán tài chính Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
01/2006 – 05/2006: Phó phòng Quản lý kỹ thuật Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
06/2006 – 03/2016: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
03/2016 – nay: Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây



Bà Trần Thị Nhung

Thành viên BKS

Sinh năm: 1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân
Kinh tế ngành KTDN TM

Quá trình công tác:

2011: Nhân viên nghiệp vụ CHXD số 29 Tế Tiêu Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
2003: Chuyên viên phòng kinh doanh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
07/2015 – 2017: Phó trưởng phòng kinh doanh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
2017 – nay: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây



Ông Ngô Ngọc Vĩnh

Thành viên BKS

Sinh năm: 1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân
Kinh tế ngành QTDN TM

Quá trình công tác:

01/1987 -03/1993 : Công nhân xí nghiệp in Tổng cục hậu cần
04/1993 -07/1993 :Bảo vệ Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
08/1993 – 06/1994: Đi học nghiệp vụ Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
07/1994 – 04/1996: Công nhân xăng dầu Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
05/1996 – 07/1996 : Nhân viên bảo vệ Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
08/1996 – 12/1999: Lái xe con Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
01/2000 – 11/2002: Lái xe con Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
12/2000 – 12/2004: Chuyên viên Phòng tổ chức hành chính Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
01/2005 – 12/2006: Phó Phòng tổ chức hành chính Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
01/2007 – nay Trưởng Phòng Tổ chức hành chính, Ủy viên BKS Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Hoạt động của BKS

- Ban kiểm soát được mời tham gia các cuộc họp với HĐQT và Ban Giám đốc.
- Ban kiểm soát thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong cả năm 2020.
- Kiểm tra và giám sát kỹ càng việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Giám đốc điều hành.
- Tổ chức các cuộc họp định kỳ quý để kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Bùi Văn Thường

Phó Giám đốc

Sinh năm: 1961

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí nông nghiệp

Quá trình công tác:

05/1987 – 09/1992: Chuyên viên cơ khí, trạm máy kéo Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa

10/1992 – 12/1999: Chuyên viên Phòng Quản lý Kỹ thuật, Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

07/2000 – 09/2000: Chuyên viên Kỹ thuật, Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

10/2000: Ủy viên Ban kiểm soát Chuyên viên phòng Kinh doanh - Kỹ thuật Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

11/2000 – 04/2002: Ủy viên Ban kiểm soát – Phó phòng Quản lý kỹ thuật Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

05/2002 – 11/2013: Ủy viên Ban kiểm soát – Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

12/2013 – nay: Phó giám đốc, Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Ông Nguyễn Tử Bình- Giám đốc(đã được nêu tại mục HĐQT)

Ông Nguyễn Tiến Cường- Phó Giám đốc (đã được nêu tại mục HĐQT)



Bà Dương Tú Oanh

Phó Giám đốc

Sinh năm: 1972

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành kế toán DNTM

Quá trình công tác:

09/1993 – 12/1999: Công nhân xăng dầu Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

01/2000 – 09/2000: Chuyên viên kế toán Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

10/2000 – 07/2002: Chuyên viên phòng kinh doanh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

08/2002 – 01/2006: Chuyên viên phụ trách kinh doanh, kế toán Chi nhánh công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội

02/2006 – 03/2007: Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội

04/2007 – 11/2013: Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Du lịch Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội

12/2013 – nay: Phó giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Quá trình công tác:

01/1994 – 12/1999: Nhân viên thống kê kế toán, Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

01/2000 – 09/2000: Nhân viên KTTTC, Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

10/2000 – 03/2007: Chuyên viên phòng KTTTC, Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

04/2007 – 04/2016: Phó phòng kế toán tài chính, Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

05/2016 - nay: Kế toán trưởng, Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây



Bà Ngô Thị Vui

Kế toán trưởng

Sinh năm: 1973

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành kế toán DN

Tiếp tục đầu tư nâng cấp và mở rộng hệ thống các kênh phân phối, cửa hàng bán lẻ xăng dầu, phát triển mạng lưới các cửa hàng xăng dầu. Đáp ứng kịp thời nhu cầu vận chuyển xăng dầu cho các đơn vị trong và ngoài ngành bằng các nâng cao hiệu quả sinh dụng phương tiện vận chuyển. Luôn khẳng định và giữ vững vị thế thương hiệu Petrolimex bằng cách luôn chú trọng công tác văn minh thương mại và giữ gìn uy tín thương hiệu Petrolimex, thương hiệu công ty

Triển khai đồng bộ các giải pháp để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh. Chỉ đạo tổ chức tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường, khách hàng, tăng hiệu quả, chất lượng dịch vụ; tổ chức tốt công tác vận tải để giảm giá thành; gia tăng sản lượng, năng suất lao động; đẩy mạnh phát triển kinh doanh hàng hóa khác.

Tiếp tục đầu tư đổi mới nâng cao chất lượng phương tiện vận tải và thay thế các xe đã quá cũ/sắp hết niên hạn sử dụng; tiếp tục triển khai để hoàn thiện các thủ tục dự án đầu tư cửa hàng bán lẻ xăng dầu. Sử dụng hợp lý và có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ của Tập đoàn và vốn vay để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2.6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

2.7.CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Xuất nhập khẩu

Theo tổng cục thống kê, tính chung cả năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5% so với năm 2019. Trong năm có 31 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 91,9% tổng kim ngạch xuất khẩu. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 262,4 tỷ USD, tăng 3,6% so với năm 2019. Trong năm có 35 mặt hàng nhập khẩu đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD, chiếm 89,6% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Mặc dù Công ty không trực tiếp thực hiện hoạt động nhập, xuất nhưng sự biến động xuất nhập khẩu, cụ thể là nhập khẩu xăng dầu ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty bởi xăng dầu là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chiếm tỉ trọng lớn trong giá vốn của Công ty.



Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo tổng cục thống kê, từ đầu năm 2020, đại dịch covid-19 đã xuất hiện và bùng phát trên phạm vi toàn cầu, ảnh hưởng rất nặng nề đến tất cả các lĩnh vực, dẫn đến tình trạng suy thoái kinh tế thế giới nghiêm trọng nhất kể từ sau đại khủng hoảng 1929-1933. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2020 ước đạt 2,91% so với cùng kỳ năm 2019. Tuy nhiên thấp hơn mục tiêu kế hoạch đề ra là 6,8% nhưng là mức tăng trưởng tích cực trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty, một doanh nghiệp vận tải và kinh doanh xăng dầu cũng sẽ bị ảnh hưởng đối với diễn biến bất ổn trong nền kinh tế.



Tỷ giá hối đoái

Giá vàng trong nước biến động theo giá vàng thế giới bình quân năm 2020 tăng 28,05% so với năm 2019. Chỉ số giá đô la Mỹ bình quân năm 2020 giảm 0,02% so với năm 2019.

Tỷ giá hối đoái ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty do giá xăng dầu tại Việt Nam biến động mạnh theo tỷ giá giữa đồng đô la Mỹ và Việt Nam Đồng.

Lạm phát

CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với bình quân năm 2019, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra là dưới 4%. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2020 tăng 2,31% so với bình quân năm 2019.



Lãi suất

Năm 2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh lãi suất điều hành tạo điều kiện cho nền kinh tế có điều kiện phục hồi nhanh trước ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Rủi ro pháp luật

Công ty chịu ảnh hưởng lớn từ chính sách Nhà nước bất kỳ sự thay đổi nào có thể ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty, sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.



Rủi ro nguồn nguyên vật liệu

Trong hoạt động vận tải và kinh doanh xăng dầu, yếu tố chi phí đầu vào như chi phí xăng dầu có ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận. Trong khi đó, phần lớn xăng dầu ở nước ta vẫn phải nhập khẩu. Trong thực tế, giá xăng dầu tăng mạnh đã làm chi phí vận chuyển xăng dầu tăng đáng kể, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Do đó, biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng lớn tới hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty thực hiện chính sách thanh toán hợp lý với nhà cung cấp, đảm bảo không quá hạn hợp đồng. Để đảm bảo nguồn cung cấp ổn định.

Rủi ro cạnh tranh

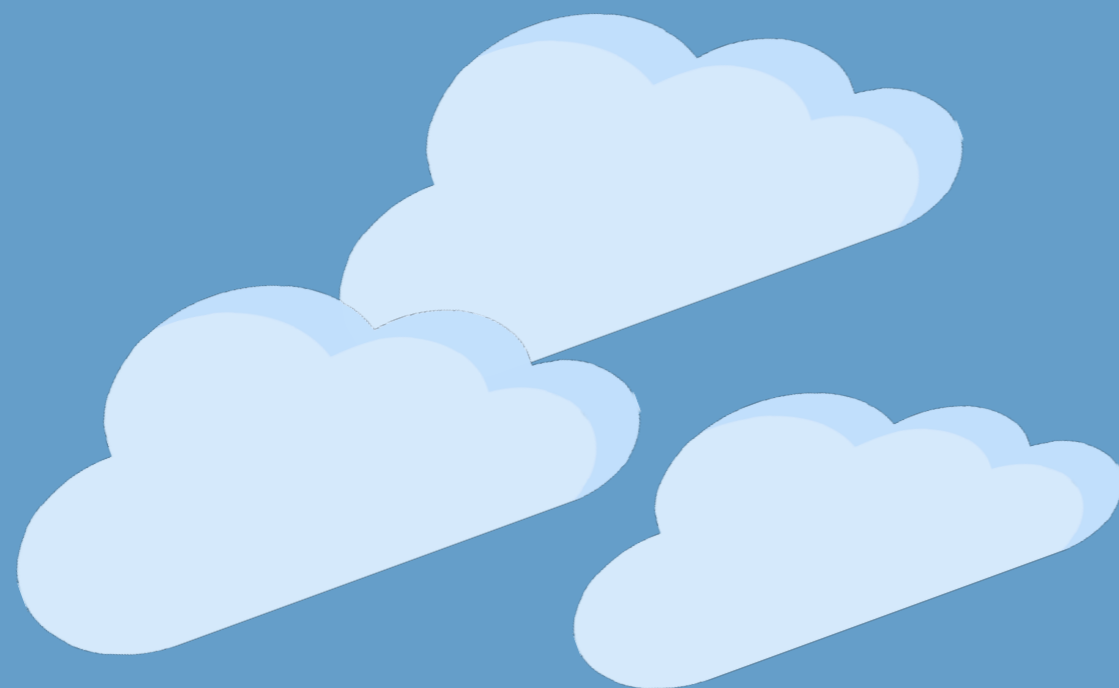
Sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu từ thị phần đến giá cả. Rủi ro lớn nhất đối với Công ty tới từ sức mạnh của khách hàng. Khách hàng luôn có một sự hiểu biết nhất định về sản phẩm dịch vụ của công ty đòi hỏi Công ty phải có những chính sách rõ ràng, hấp dẫn để thu hút họ.



Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, ... là những rủi ro bất khả kháng, Những rủi ro này khó dự báo trước nên Công ty luôn đảm bảo an toàn tối đa trong hoạt động kinh doanh sản xuất, đề phòng từ trước.





III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình tài chính

Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu



3.1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Vị thế của Công ty trong ngành

Năm 2020, với đội xe vận tải tương đương với năng lực vận tải là **49.785.679** M3km/năm, PTS Hà Tây là một đơn vị vận tải xăng dầu đường bộ lớn của Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam. Công ty chiếm thị phần lớn trong lĩnh vực vận tải xăng dầu tại khu vực Hà Nội, Hoà Bình, Sơn La, Tây Bắc và một số vùng lân cận. Điểm mạnh của PTS Hà Tây là năng lực vận tải lớn, hiện đại, chuyên nghiệp, cơ cấu phương tiện đa dạng đáp ứng nhu cầu vận chuyển mọi nơi về khối lượng, chất lượng phục vụ và tiến độ. Công ty đã áp dụng cơ chế khoán chi phí để giảm giá thành vận tải, khai thác tối đa năng lực vận tải của phương tiện, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tuy nhiên so với một số Công ty tư nhân ngoài ngành PTS Hà Tây còn phải cạnh tranh về giá thành vận tải.



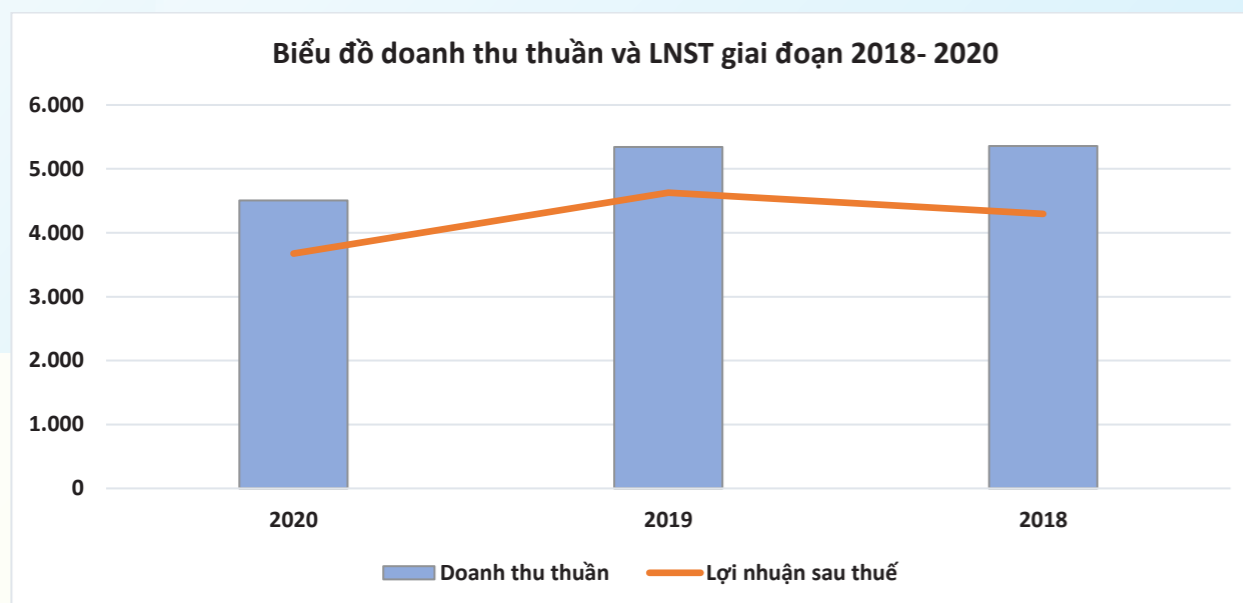
Kết quả sản xuất kinh doanh theo kế hoạch năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Thực tế/kế hoạch (%)
	Sản lượng thực hiện:				
1	- Sản lượng vận tải	M ³ km	48.594.000	49.785.679	2,45%
	- Sản lượng bán XD	M ³	24.800	26.819	8,14%
2	Doanh thu thuần	Tr.đ	362.700	424.064	16,92%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	4.270	4.650	8,90%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	3.390	3.675	8,41%
5	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đ		4.956	

Trong năm 2020, Đại hội đồng cổ đông đặt ra mục tiêu Doanh thu thuần là 362.700 triệu đồng và thực hiện đạt 424.064 triệu đồng, vượt mức so với kế hoạch đặt ra là 16,92%. Cùng với đó Tổng lợi nhuận trước thuế và sau thuế của công ty đều vượt mức kế hoạch đặt ra lần lượt là 8,9% và 8,41%. Đây chính là những kết quả đáng biểu dương cho năm 2020 với những khó khăn chông chênh chất khó khăn mà toàn thế giới đang gánh chịu. Đặc biệt chú ý đến sản lượng thực hiện của Công ty: Sản lượng vận tải tăng 2,45% so với kế hoạch đặt ra và sản lượng bán xăng dầu tăng 8,14% so với kế hoạch đặt ra. Trước những diễn biến không được mấy tích cực vào 6 tháng đầu năm 2020 về giá xăng dầu thì con số này đã cho thấy sự nỗ lực rất lớn từ Công ty đối với ngành sản xuất kinh doanh của mình.



Kết quả kinh doanh qua các năm



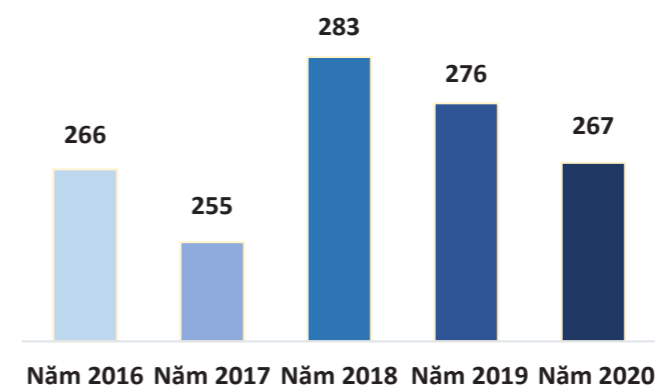
Bảng chỉ tiêu kết quả kinh doanh giai đoạn 2018 - 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	2020	2019	2018	2020/2019 (%)
Doanh thu thuần	Triệu đồng	424.060	625.860	924.856	-32,24%
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	374.810	569.238	870.448	-34,16%
Chi phí hoạt động	Triệu đồng	41.407	46.602	45.978	-11,15%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.650	5.818	5.414	-20,08%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.675	4.628	4.294	-20,59%

Năm 2020 doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của PTS Hà Tây giảm so với năm 2019 giảm 32,24%. Bên cạnh doanh thu thì tổng chi phí của PTS Hà Tây cũng có sự biến đổi của 2020 so 2019 như sau: giá vốn hàng bán giảm 34,16% so năm 2019. Điều đó hoàn toàn có thể thấy được sự ảnh hưởng dịch bệnh covid-19 trong năm 2020 rất lớn đối với Công ty. Mặc dù trong năm 2020 các chỉ tiêu thực hiện đều vượt với kế hoạch đề ra nhưng Công ty vẫn có sự kỳ vọng và mong muốn để mở rộng thị phần và phát triển vượt bậc trong tương lai.

3.2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thống kê nhân sự qua các năm



Số lượng nhân sự có sự thay đổi qua các năm để phù hợp với chính sách phân bổ, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực một cách hiệu quả nhất đối với tình hình phát triển kinh tế xã hội của Công ty.

Cụ thể năm 2020 số lượng nhân sự của Công ty như sau:

STT	Tiêu chí	Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	73	27,34%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	21	7,87%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	171	64,04%
4	Lao động phổ thông	2	0,75%
II	Theo đối tượng lao động		
1	Lao động trực tiếp	195	73,03%
2	Lao động gián tiếp	72	26,97%
III	Theo giới tính		
1	Nam	191	71,54%
2	Nữ	76	28,46%
IV	Theo thời hạn HĐLĐ		
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	2	0,75%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	23	8,61%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	242	90,64%
V	Theo cấp quản lý		
1	Quản lý cấp cao	7	2,62%
2	Quản lý cấp trung trưởng phó phòng, xưởng phó	12	4,49%
3	Quản lý cấp chi nhánh, đội, CH trưởng, CH phó	22	8,24%
4	Chuyên viên, nhân viên, công nhân	226	84,64%
VI	Theo độ tuổi		
1	Từ 18 đến 25 tuổi	6	2,25%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	72	26,97%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	128	47,94%
4	Trên 45	61	22,85%
Tổng cộng		267	100%

Chính sách đào tạo, tuyển dụng

Tuyển dụng: Công ty lựa chọn kỹ càng nhân viên nhằm đáp ứng được năng lực chuyên môn và kinh nghiệm theo yêu cầu công việc. PTS Hà Tây còn chú trọng thu hút người lao động có trình độ, kỹ năng, có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

Đào tạo: Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn vì đó là nhân tố hàng đầu để quyết định mọi thành công trong các hoạt động của Công ty. Hàng năm cử cán bộ tham gia các khóa học và các lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, tập trung nâng cao kỹ năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp. Tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho cán bộ và người lao động Công ty tham gia các lớp học để nâng cao trình độ nếu có nguyện vọng.

Chế độ làm việc

-Thời gian làm việc đối với khối văn phòng Công ty, chi nhánh là 8h/ngày, 5 ngày/tuần và nghỉ trưa 1h, được nghỉ vào ngày thứ 7 và chủ nhật, nhưng khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi và đãi ngộ theo quy định của Nhà nước đối với người lao động.

-Đối với lao động trực tiếp: Nhân viên bán xăng dầu, bảo vệ: Làm việc theo ca, kíp, giờ làm theo ca của một người không quá 48 giờ, số ngày làm việc không quá 5 ngày/tuần.

Lái xe vận chuyển xăng dầu, công nhân sửa chữa, xây dựng: Tùy theo tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh và quy định về khoán sản phẩm, do Thủ trưởng đơn vị quy định thời gian làm việc nhưng không quá 5 ngày/tuần

-Điều kiện làm việc: Nhà xưởng, văn phòng làm việc được thiết kế thoáng mát, khang trang, hiện đại. Lực lượng lao động được trực tiếp trang bị đầy đủ đồ bảo hộ, học cách thức vệ sinh và nguyên tắc an toàn lao động nghiêm ngặt của Chính phủ.

Chính sách lương thưởng

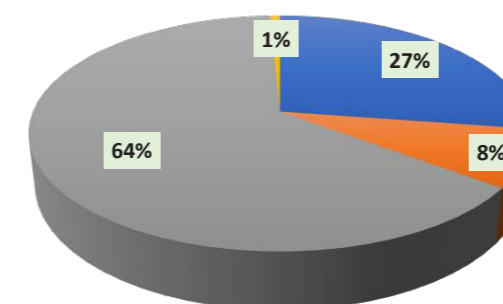
Chính sách lương: Đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước;
+ Mức lương bình quân của Công ty không thấp hơn mức lương bình quân của các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực;
+Phân phối tiền lương theo lao động

Chính sách thưởng: Hàng quý, hàng năm PTS Hà Tây đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Công ty. Việc xét thưởng được căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc tiết kiệm chi phí, phương pháp tổ chức kinh doanh hiệu quả. Công ty cũng tuân thủ quy định về xử lý, kỷ luật đối với cá nhân có hành vi gây thiệt hại tới tình hình sản xuất kinh doanh và hình ảnh của Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp được PTS Hà Tây nộp cho Nhà nước theo quy định hiện hành. Công ty cũng bảo đảm chế độ xã hội cho người lao động theo Luật lao động, nội quy lao động,... Vào các ngày lễ trong năm Công ty thường tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho cán bộ công nhân viên toàn doanh nghiệp.

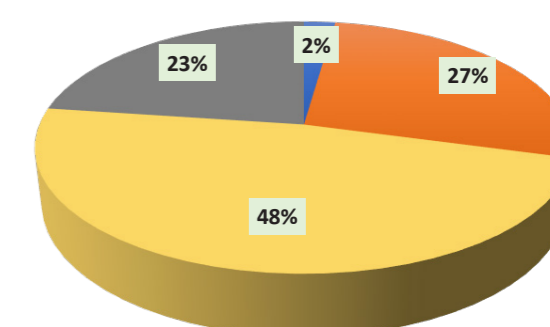
Chính sách đối với người lao động

Cơ cấu lao động theo trình độ



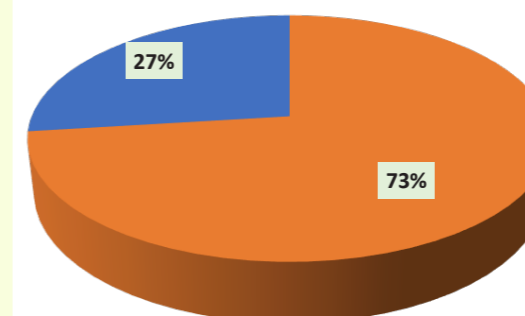
■ Trình độ Đại học và trên Đại học
■ Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp
■ Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật
■ Lao động phổ thông

Cơ cấu lao động theo độ tuổi



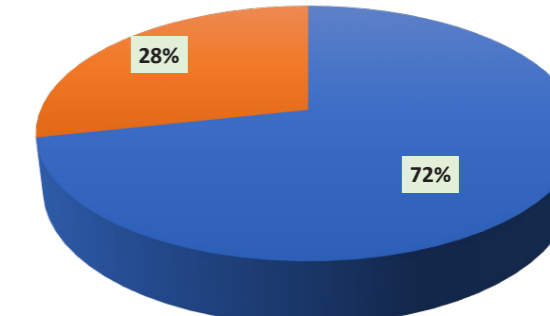
■ Từ 18 đến 25 tuổi ■ Từ 26 đến 35 tuổi
■ Từ 36 đến 45 tuổi ■ Trên 45

Cơ cấu lao động theo đối tượng



■ Lao động trực tiếp ■ Lao động gián tiếp

Cơ cấu lao động theo giới tính



■ Nam ■ Nữ

Phân phối tiền lương theo lao động

- Lao động lái xe Đội vận tải: Thu nhập của lao động trong lĩnh vực này được phân phối theo quy định của Bộ Tài chính. Tính theo năng suất lao động, cụ thể là được tính theo đơn giá khoán tiền lương (đồng/ m3 km vận chuyển).
- Lao động xăng dầu: Thu nhập của lao động trong lĩnh vực này bao gồm tiền lương cố định theo quy định của Bộ Tài chính và lương theo sản lượng bán, cụ thể là được tính theo đơn giá khoán tiền lương (đồng/ lít).
- Lao động văn phòng và lao động gián tiếp Đội vận tải: Tiền lương của lao động văn phòng được phân phối theo quy định của Bộ Tài chính và hưởng từ nguồn lương kinh doanh vận tải.
- Lao động bảo vệ: Được phân phối theo quy định của Bộ Tài chính trong tổng nguồn được Công ty khoán trọn gói hàng tháng, nguồn lấy từ nguồn lương kinh doanh vận tải

3.3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019	% Tăng trưởng
Tổng tài sản	Triệu đồng	102.577	124.195	-17,41%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	424.060	625.860	-32,24%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	4.506	5.342	-15,65%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	144	476	-69,75%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.650	5.818	-20,08%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.675	4.628	-20,59%

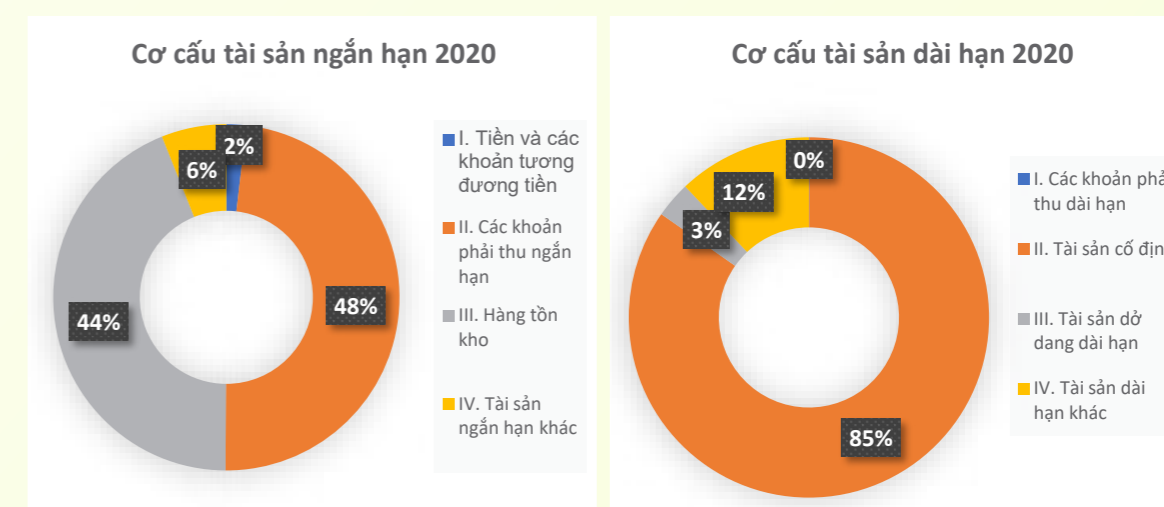
Do tình hình dịch bệnh Covid 19 nên toàn bộ nền kinh tế đều gặp khó khăn. Vậy nên tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty có sự giảm sút so năm 2019. Cụ thể, năm 2020: tài sản giảm 17,41%; doanh thu thuần giảm 32,24% kéo theo lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm 15,65%; Lợi nhuận kế toán trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều giảm hơn 20% so năm 2019. Điều đó cho thấy rằng Công ty đang có sự dịch chuyển cơ cấu trong sản xuất kinh doanh năm 2020 để đối phó với sự bất ổn của nền kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng trong năm 2020.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2019	So sánh %
Nợ phải trả	Triệu đồng	52.352,22	73.017,43	-28,30%
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	50.224,59	51.177,27	-1,86%
Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	102.576,81	124.194,70	-17,41%
Tỷ trọng Nợ phải trả	%	51%	59%	
Tỷ trọng Vốn chủ sở hữu	%	49%	41%	

Đối với cơ cấu nguồn vốn của Công ty, năm 2020 nợ phải trả của công ty giảm 28,3% cụ thể giảm hơn 20.665 triệu đồng so năm 2019. Do bởi, các khoản phải trả người bán ngắn hạn phải trả dài hạn khác giảm mạnh so năm 2019. Trong đó tỷ trọng nợ phải trả luôn cao hơn so với Vốn chủ sở hữu qua các năm.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2019	So sánh %
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	22.251,15	36.795,63	-39,53%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	80.325,66	87.399,07	-8,09%
Tổng Tài sản	Triệu đồng	102.576,81	124.194,70	-17,41%
Tỷ trọng Tài sản ngắn hạn	%	22%	30%	
Tỷ trọng Tài sản dài hạn	%	78%	70%	

So với năm 2019, tài sản của công ty đã giảm 17,41% từ 124.194 triệu đồng giảm xuống còn 102.576 triệu đồng năm 2020. Trong đó Tài sản ngắn hạn giảm mạnh giảm 39,53%, tài sản dài hạn giảm 8,09%. Do bởi, năm 2020 tiền và các khoản tương đương tiền giảm so với năm 2019 chỉ chiếm 2% trong cơ cấu tài sản ngắn hạn. Tuy nhiên điểm đáng chú ý là các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho lại tăng cụ thể năm 2020 lần lượt chiếm 48% và 44% trong cơ cấu tài sản ngắn hạn. Đối với tài sản dài hạn năm 2020 có sự giảm nhẹ do tài sản cố định giảm 3% so với năm 2019 nhưng vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tài sản dài hạn của Công ty. Ta có thể thấy rằng, trong cơ cấu tài sản thì tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao qua các năm và không có sự thay đổi lớn lần lượt là 70% và 78% năm 2019 và 2020.



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh của Công ty chưa cao. Công ty đang phải đối mặt với những khoản nợ ngắn hạn đến hạn trả. Do đó, Công ty cũng đang có chính sách về tài sản để dự trữ kinh doanh để kinh doanh ổn định hơn

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2020 giảm so với năm 2019, cụ thể: Hệ số nợ/tổng tài sản lần lượt chiếm 51,04% và 58,79% năm 2020 và 2019; Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu chiếm 104,24% và 142,68% năm 2020 và 2019. Điều đó thể hiện mức độ rủi ro về tài chính của công ty đã giảm, khả năng thanh toán gốc nợ vay dài hạn đã được cải thiện hơn so năm trước

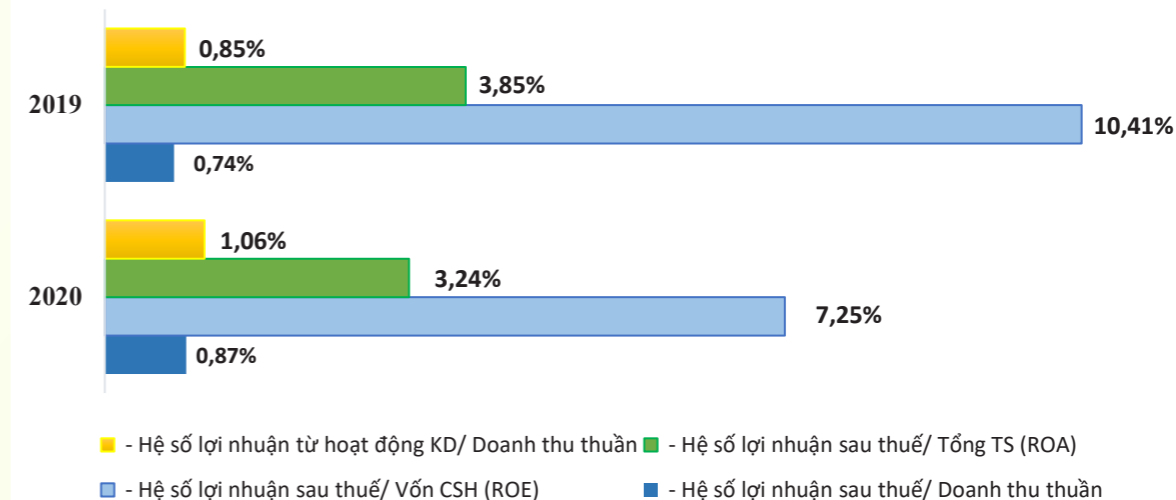
Vòng quay hàng tồn kho năm 2020 giảm 17,37 so năm 2019. Thể hiện việc Công ty đang tổ chức, quản lý dự trữ rút ngắn được chu kỳ kinh doanh, giảm lượng vốn bỏ vào hàng tồn kho. Vòng quay vốn lưu động của công ty cũng giảm nhẹ so 2019 tác động đến hiệu suất sử dụng vốn lưu động của công ty đang có sự thay đổi.

Chỉ số ROA giảm 1% so với năm trước, nguyên nhân do lợi nhuận sau thuế giảm khối lượng tài sản giảm tuy nhiên công ty đang có chính sách khai thác kịp thời để tạo ra hiệu quả kinh tế.

Chỉ số ROE cũng giảm 3% so với năm trước do chi phí xuất khẩu được hạch toán trong 2020 giảm, cùng với việc công ty thực hiện nghĩa vụ trả nợ dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm mặc dù doanh thu năm 2020 tuy nhiên lượng vốn huy động cuối năm 2019 được phân bổ để trả nợ vào quý đầu 2020. Cũng vì hai lý do này mà biên lợi nhuận sau thuế, biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng.

Các chỉ tiêu	ĐVT	2020	2019	2020-2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,661	0,882	-0,22
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,371	0,592	-0,22
2, Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	51,04%	58,79%	-0,08
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	104,24%	142,68%	-0,38
3, Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	34,30	51,87	-17,57
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	4,13	5,04	-0,91
4, Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,87%	0,74%	0,00
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	7,25%	10,41%	-0,03
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	3,24%	3,85%	-0,01
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	1,06%	0,85%	0,002

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



3.4. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	PTH
Mệnh giá cổ phiếu	10,000 đồng/cổ phiếu
Ngày bắt đầu niêm yết/ đăng ký giao dịch	23/03/2010
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	3.503.164 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	3.482.214 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	20.950 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Lớn	1.786.713	51%	1	1	0
2	Cổ đông khác	1.716.451	49%	189	0	189
	- Trong nước	1.716.451	49%	189	0	189
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG		3.503.164	100%	190	1	189

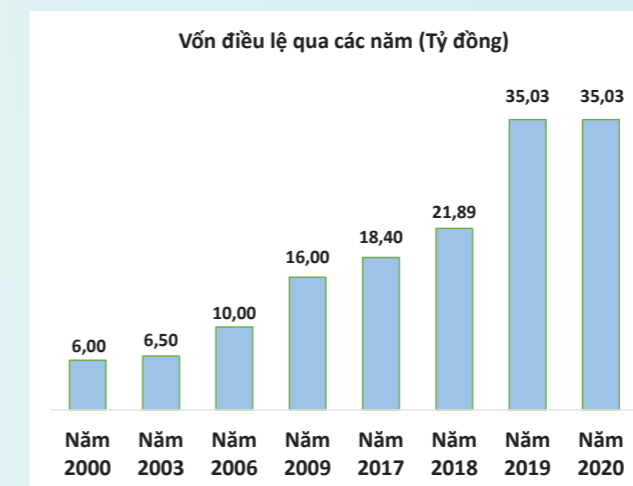
Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	0108005532 Ngày cấp: 29/09/2017 Nơi cấp: Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội	229, Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội	1.786.713	51%

Tình hình sử dụng lượng vốn huy động

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Thời gian thực hiện
1	Trả nợ Ngân Hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	196.667.000	Ngày 30/1/2020
2	Muaxe ô tô xitec vận chuyển xăng dầu	2.850.000.000	Ngày 31/01/2020
3	Bổ sung vốn lưu động (Thanh toán cho nhà cung cấp)	10.090.193.000	Ngày 30/12/2019 Ngày 10/01/2020 Ngày 14/01/2020
Cộng		13.136.860.000	

Lịch sử tăng vốn

Năm	Nội dung
2000	Thành lập doanh nghiệp với vốn điều lệ 6.000.000.000 VNĐ
2003	Tăng vốn điều lệ lên 6.500.000.000 VNĐ
2006	Tăng vốn điều lệ lên 10.000.000.000 VNĐ
2009	Tăng vốn điều lệ lên 16.000.000.000 VNĐ
2017	Tăng vốn điều lệ lên 18.399.750.000 VNĐ
2018	Tăng vốn điều lệ lên 21.894.780.000 VNĐ
2019	Tăng vốn điều lệ lên 35.031.640.000 VNĐ
2020	Vốn điều lệ là 35.031.640.000 VNĐ



Công ty đã sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21.894.780.000 đồng lên 35.031.640.000 đồng theo đúng mục đích sử dụng vốn nêu tại Nghị quyết số 78/2019/NQ-HĐQT ngày 31/12/2019 của Hội đồng quản trị. Tính đến hết ngày 31/01/2020, Công ty đã sử dụng hết toàn bộ số tiền trên theo đúng mục đích đề ra.

Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu



IV. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

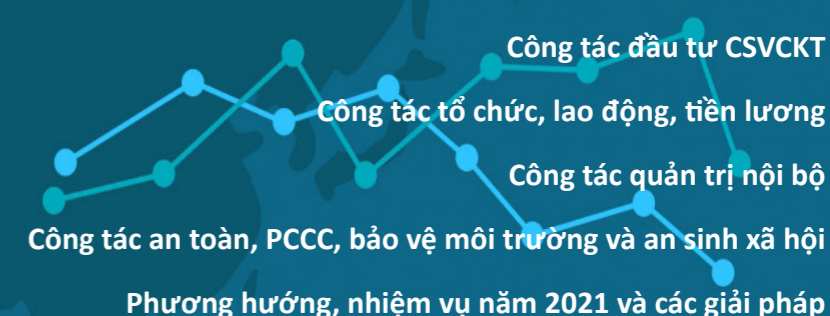
Công tác đầu tư CSVCKT

Công tác tổ chức, lao động, tiền lương

Công tác quản trị nội bộ

Công tác an toàn, PCCC, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội

Phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 và các giải pháp



4.1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Về kinh doanh vận tải:

- a) Tổng sản lượng vận tải XD năm 2020 đạt 49.785.679 m3.km đạt 102,4% KH, giảm 4,7% so với TH năm 2019. Trong đó:
- + Vận chuyển cho Công ty XD Hà Sơn Bình đạt 28.263.382 m3.km, giảm 1,5% so với TH năm 2019.
 - + Vận chuyển cho Công ty XD Điện Biên đạt 11.770.702 m3.km, tăng 3,3% so với TH năm 2019.
 - + Vận chuyển xăng dầu tái xuất Lào đạt 1.120.430 m3.km, giảm 68,8% so với TH năm 2019 do Petrolimex Lào khó khăn về tài chính và nhập nguồn từ Thái Lan.
 - + Vận chuyển cho Công ty XD Hà Nam Ninh đạt 6.391.477 m3.km bằng 100% so với TH năm 2019.
 - + SL vận chuyển nội bộ, khác đạt 2.229.827 m3.km.
- b) Về sản lượng vận tải phục vụ bán lẻ: Tổng sản lượng vận tải phục vụ bán lẻ theo nhiệm vụ đạt 40,9 triệu m3.km, chiếm 82% tổng sản lượng; 18% còn lại tương ứng 8,9 triệu m3.km là sản lượng vận tải cho các phương thức khác (TNNQ bán lẻ, TNPP ...) của các công ty xăng dầu, các khách hàng khác và nội bộ công ty.
- c) Về thị phần vận chuyển bán lẻ: Thực hiện nhiệm vụ vận chuyển cho bán lẻ đối với các Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình, Công ty xăng dầu Hà Nam Ninh đạt 100%. Công ty xăng dầu Điện Biên là 86%, thị phần bị xâm lấn là 14%.

- d) Về sản lượng vận chuyển thuê ngoài: Công ty không có sản lượng vận chuyển thuê ngoài do nhu cầu năm 2020 mới chỉ bằng 76% năng lực vận chuyển tối đa.
- e) Về phương tiện vận tải và hiệu quả khai thác phương tiện:
- Tính đến thời điểm cuối năm 2020, tổng phương tiện toàn công ty là 102 xe tương ứng tổng dung tích 1.645 m3 (dung tích bình quân là 16,1m3);
 - Năng lực vận chuyển tối đa có thể đạt được là 65 triệu m3.km vì vậy cân đối với nhu cầu vận chuyển của năm 2020 thì công ty mới chỉ khai thác 76% năng lực;
 - Hệ số ngày xe tốt trên tổng số ngày xe có là 0,99;
 - Hệ số ngày xe vận doanh là 0,76;
 - Cự ly vận chuyển bình quân ngày đêm là 203 km/ngày đêm;
 - Cự ly vận chuyển bình quân có hàng là 100 km;
 - Năng suất phương tiện là 29.785 m3.km/m3 xe.
- f) Doanh thu vận tải năm 2020 đạt 93 tỷ đồng bằng 89,4% so với TH 2019.
- g) Lợi nhuận vận tải trước thuế đạt 2.482 triệu đồng đạt 109% KH và bằng 87% so với năm 2019.

Kinh doanh xăng dầu:

- Tổng sản lượng xuất bán năm 2020 đạt 26.819 m3 đạt 108% KH, giảm 19% so với TH 2019. Trong đó:
 - + Bán lẻ: 25.500 m3 đạt 105% kế hoạch, bằng 100% so với TH năm 2019.
 - + Bán buôn, nhượng quyền TM: 1.319 m3 đạt 264% kế hoạch, giảm 83% so với TH năm 2019. Lý do: Công ty đã thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn dừng bán nhượng quyền TM từ 01/01/2020. Dịch bệnh Covid-19 đã tác động chủ yếu đến nhu cầu tiêu dùng xăng dầu, Tập đoàn nhiều thời điểm thiếu nguồn hàng đặc biệt là tháng 4 & 5 ảnh hưởng lớn đến sản lượng bán lẻ xăng dầu. Tuy nhiên các cửa hàng của công ty đã nỗ lực để hoàn thành kế hoạch được giao, có 05 CHXD đạt kế hoạch và vượt kế hoạch đó là:
 - CHXD Quất Động đạt 108% kế hoạch và 112% cùng kỳ;
 - + CHXD Tân Dân đạt 101% kế hoạch và 107% cùng kỳ;
 - + CHXD Tri Thủy đạt 103% kế hoạch và 108% cùng kỳ;
 - + CHXD Phượng Dực đạt 101% kế hoạch và 106% cùng kỳ;

- + CHXD Việt Zin đạt 104% kế hoạch và 110% cùng kỳ.
- Năng suất bán lẻ xăng dầu BQ đạt 28,3 m3/người/tháng, tăng 4,4% so với 2019 (27,1m3), thấp hơn NSLĐ bình quân toàn Tổng công ty (33,4 m3/người/tháng). Nguyên nhân là các CHXD trên địa bàn tỉnh Hoà Bình năng suất thấp do điều kiện địa lý, kinh doanh khó khăn đã kéo theo NSLĐ toàn công ty giảm, địa bàn Hà Nội NSLĐ vẫn cao hơn bình quân toàn Tổng công ty. Cụ thể:
 - + CHXD Đồng Mai NSLĐ BQ 49,3 m3/ng/th.
 - + Các CHXD trên địa bàn Hà Nội NSLĐ BQ 35,2 m3/ng/th.
 - + Các CHXD trên địa bàn tỉnh Hòa Bình NSLĐ BQ 16 m3/ng/th.
- Thù lao/lãi gộp bán lẻ BQ năm 2020 là 856 đ/lít (bao gồm cả yếu tố giá vùng 2 và chênh lệch giá hàng tồn kho do tăng, giảm giá XD).
- Lợi nhuận KDXD trước thuế đạt 1.747 trđ đạt 116% KH và bằng 80% so với năm 2019.

Lợi nhuận khác: 421 trđ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	So sánh (%)
Sản lượng thực hiện:					
1	- Sản lượng vận tải	M ³ km	52.222.347	49.785.679	95,3
	- Sản lượng bán XD	M ³	33.074	26.819	81
2	Doanh thu thuần	Tr.đ	625.860	424.064	67,7
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	5.818	4.650	79,9
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	4.627	3.675	79,4
5	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đ	16.355	4.956	30,3

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020
Hệ số thanh toán nhanh	0,59	0,37
Hệ số thanh toán hiện hành	0,88	0,66

Hệ số thanh toán hiện hành nhỏ hơn 1 và hệ số thanh toán nhanh nhỏ hơn 0,5 Công ty gặp đôi chút khó khăn trong việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán, tuy nhiên vẫn duy trì khả năng thanh toán ở mức an toàn.

Chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2019 (%)	Thực hiện năm 2020 (%)
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,74	0,8
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	9	7,3
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	3,7	3,5
Hệ số LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	0,85	1

- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần và hệ số LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần năm 2020 cao hơn năm 2019 do: Doanh thu bán xăng dầu năm 2020 thấp hơn năm 2019 chủ yếu do giá bán xăng dầu giảm và sản lượng bán xăng dầu (bán buôn, nhượng quyền) giảm, chính sách lãi gộp bán xăng dầu được giữ ổn định;
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE) năm 2020 thấp hơn năm 2019 do tác động của dịch Covid-19 và Công ty dừng bán NQTM từ 01/01/2020 theo chỉ đạo của Tập đoàn.

4.3. Công tác đầu tư CSVCKT

TT	Hạng mục đầu tư	Khối lượng TH	KH 2020 (trđ)	TH 2020 (trđ)	TH/KH (%)
	Tổng giá trị đầu tư:		2.400	4.956	206,5
1	Xe ô tô sitec chở xăng dầu (năm trước chuyển qua)	01		2.655	
2	Xe ô tô sitec chở xăng dầu	01	2.400	2.142	89,2
3	Cột bơm XD	01		159	

4.2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	Trđ	124.194	102.576	-17,5%
Doanh thu thuần	Trđ	625.860	424.060	-32,3%
Lợi nhuận từ HĐKD	Trđ	5.342	4.506	-15,7%
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	5.818	4.650	-20,1%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	4.627	3.674	-20,6%
Tỷ lệ trả cổ tức	%	10%	8%	-20%

Tình hình tài sản:

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31.12.2020 là 102.576 triệu đồng, giảm 17,5% so với năm 2019. Trong đó: Tài sản ngắn hạn giảm 14,5 tỷ; tài sản dài hạn giảm 7 tỷ.

Tình hình nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31.12.2020 là: 52.352 triệu đồng, giảm tuyệt đối 20.665 triệu đồng, tương ứng giảm 28,4% so với năm 2019 do trong năm Công đã trả một phần tiền ký cược cho lái xe.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,59	0,51
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,43	1,04
Hệ số Nợ ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	0,36	0,1

Tình hình nợ phải thu khách hàng:

Tại thời điểm 31.12.2020 là 10.151 triệu đồng, giảm 2.652 triệu đồng so với đầu năm.



4.4. Công tác tổ chức, lao động, tiền lương

- Để phù hợp với tình hình kinh doanh khi không còn được bán xăng dầu theo phương thức nhượng quyền thương mại, Công ty đã giải thể Cửa hàng kinh doanh tổng hợp trực thuộc kể từ ngày 13/02/2020 và thành lập Tổ kinh doanh tổng hợp trực thuộc Phòng thương mại công ty thực hiện bán buôn xăng dầu và các mặt hàng ngoài xăng dầu: Dầu mỡ nhờn, Gas, nước giặt, bảo hiểm...

- Thực hiện tách chức danh Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty theo quy định của nghị định 71: Ông Lê Tự Cường thôi kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc công ty từ 18/09/2020, giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT công ty; Bổ nhiệm Ông Nguyễn Tử Bình giữ chức vụ Giám đốc công ty thời hạn 5 năm kể từ 18/09/2020.

- Bổ nhiệm mới Phó trưởng phòng QLKT.

- Bổ nhiệm lại Phó trưởng phòng Tổ chức hành chính, Trưởng phòng KTTH Chi nhánh PTS Hoà Bình, Đội trưởng Đội vận tải số 2.

+ Tình hình lao động:

- Số lao động tại thời điểm 01/01/2020 là: 276 người.

- Số lao động đến ngày 31/12/2020 là 267 người. Số lao động giảm 9 người.

+ Tiền lương và thu nhập:

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, Công ty đã thực hiện giảm 15% lương của Chủ tịch HĐQT và Giám đốc, giảm 10% lương của người quản lý công ty.

- Thu nhập bình quân: 10,887 triệu đồng/người/tháng, bằng 129% kế hoạch và 106% cùng kỳ

4.5. Công tác quản trị nội bộ

- Công ty đã rà soát, ban hành mới, ban hành lại hệ thống các quy chế, quy định nội quy phù hợp với các quy định của Nhà Nước, Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, Tổng công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex và tình hình thực tiễn của công ty.

- Công ty luôn chú trọng công tác quản trị chi phí, tiếp tục khảo sát, phân tích đánh giá và sửa đổi các định mức chi phí nhiên liệu, chi phí sửa chữa, định ngạch săm lốp... cho phù hợp và đồng nhất trong toàn hệ thống PTC.

- Xây dựng phương án chuyển đổi từ cơ chế khoán chi phí vận tải sang hình thức quản lý theo định ngạch để tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các khâu từ chi phí văn phòng, sử dụng lao động hợp lý, công tác đầu tư, chi phí cải tạo sửa chữa, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra sát sao công tác an toàn kỹ thuật, an toàn PCCC, BVMT và an toàn VSLĐ. Nâng cao ý thức trách nhiệm chấp hành quy định của pháp luật, nội quy quy chế và của công ty, bảo đảm an toàn trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công ty đã tiến hành kiểm tra định kỳ các CHXD thuộc công ty và Chi nhánh PTS Hoà Bình từ 26/10/2020 đến 06/11/2020 và chỉ đạo sau kiểm tra tại văn bản số 229/PTSHT-VBCĐ và văn bản số 230/PTSHT-VBCĐ ngày 20/11/2020. Thông qua đó để chấn chỉnh, quán triệt và hướng dẫn các đơn vị thực hiện đúng các quy định quản lý nội bộ.

- Công ty đã triển khai dự án phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP (bao gồm phân hệ KTTC, thương mại, vận tải) từ tháng 9/2020 và ứng dụng từ 01/01/2021 nhằm nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp.



- Công ty thường xuyên quán triệt đối với người lao động về việc chấp hành các quy định của Pháp luật đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông, số các vụ việc tai nạn đã giảm nhiều.

- Tham gia hội thảo trao đổi kiến thức về an toàn giao nhận vận tải xăng dầu, xử lý sự cố... do Tổng công ty phối hợp với Công ty TNHH JXEV Holdings (Nhật Bản) tổ chức cho các cán bộ nhân viên tại Tổng công ty, Công ty Petajico Hà Nội và PTS Hà Tây. Hội thảo đã góp phần bổ sung kiến thức để làm tốt hơn nữa công tác an toàn, giảm tối đa những sự cố, rủi ro cho công ty.

- Công ty thường xuyên tranh thủ ý kiến chỉ đạo của cấp ủy Đảng, phối hợp với các tổ chức đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên cùng tham gia chỉ đạo điều hành mọi mặt hoạt động của công ty để góp phần thực hiện tốt nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020, đảm bảo tiền lương, thu nhập, đời sống, việc làm và các chế độ tốt nhất cho người lao động.

- Thực hiện an sinh xã hội năm 2020, Công ty đã chi từ quỹ phúc lợi để ủng hộ các quỹ, các cuộc vận động của tổ chức, đoàn thể với tổng số tiền là 152.000.000 đồng.

4.6. Công tác an toàn, PCCC, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội

Nhiệm vụ đảm bảo tuyệt đối an toàn trong quá trình sản xuất kinh doanh được đặt lên hàng đầu. Công ty luôn quan tâm chỉ đạo các đơn vị cơ sở tăng cường công tác an toàn: ATVSLĐ, BVMT, PCCC, an toàn tiền hàng, thực hiện tốt các quy định, quy chế thông qua công tác tuyên truyền, kiểm tra và đào tạo.

- Trong năm công ty đã thực hiện đào tạo về nghiệp vụ ATVSLĐ cho 267 người; đào tạo về PCCC cho 219 người; đào tạo về nghiệp vụ BVMT cho 70 người; đào tạo nghiệp vụ vận tải cho 107 người. Tổng kinh phí đào tạo là 231 triệu đồng.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất xe ô tô xi téc về công tác đảm bảo an toàn kỹ thuật, kết cấu xi téc và chấp hành các quy định của Pháp luật, của Công ty; kiểm tra và cấp giấy phép đủ điều kiện vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy nổ đối với toàn bộ xe ô tô xitec. Các xe vận hành đều được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình đúng quy định, qua đó thường xuyên theo dõi, kiểm tra giám sát và nhắc nhở lái xe chấp hành quy định pháp luật về đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ tại các cửa hàng xăng dầu để chấn chỉnh công tác đảm bảo an toàn PCCC và bảo vệ môi trường, bổ sung hệ thống chống sét, dụng cụ PCCC; hoàn thiện hồ sơ bảo vệ môi trường theo quy định tại các đơn vị trong toàn công ty gồm hợp đồng thu gom rác thải nguy hại, đo quan trắc môi trường định kỳ.

4.7. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021 VÀ CÁC GIẢI PHÁP

Tình hình

Bước sang năm 2021 đã có những tín hiệu lạc quan trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 trên thế giới khi vaccin bắt đầu được triển khai tiêm tại nhiều nước. Trong nước dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát khá tốt góp phần làm tăng trưởng kinh tế phục hồi mạnh mẽ vào quý 4 năm 2020 và tiếp tục kéo theo trong những tháng đầu năm 2021. Nhu cầu đi lại, tiêu dùng xã hội, vận tải trong nước trong đó có hàng không từng bước được phục hồi báo hiệu nhu cầu xăng dầu sẽ tăng.

Nghị định 83 sửa đổi có hiệu lực sẽ có hướng mở hơn khi cho phép nhiều thành phần kinh tế tham gia kinh doanh xăng dầu, quy mô, điều kiện đối với Cửa hàng bán lẻ xăng dầu cũng được nới lỏng... sẽ tạo ra sự cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường kinh doanh xăng dầu Việt Nam. Trên cơ sở đó, Công ty PTS Hà Tây đề ra những chỉ tiêu kế hoạch cơ bản và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cho năm kế hoạch 2021

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch Năm 2021	So với TH 2020 (%)
1	Sản lượng kinh doanh chính:			
1.1	Sản lượng vận tải bộ	m ³ .km	52.295.000	105
1.2	Sản lượng bán xăng dầu	m ³	27.860	104
	- Bán lẻ		26.500	104
	- Bán buôn, nhượng quyền		1.360	103
1.3	Dầu mỡ nhờn	Tấn	150	104,2
1.4	Nước giặt	Chai	5.100	110,2
1.5	Bảo hiểm	Tr.đồng	3.000	106,1
1.6	Gas	Tấn	19	111,8
2	Doanh thu	Tr.đồng	474.110	112
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	4.880	105
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	3.900	105
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	8	100
6	Tổng giá trị đầu tư trong kỳ	Tr.đồng	8.598	173
7	Nộp ngân sách	Tr.đồng	7.580	100
8	Số lượng lao động	Người	268	100
9	Thu nhập BQ theo nguồn lương	Tr.đồng	10	102
10	Tổng nguồn lương	Tr.đồng	32.150	105,5

5. Công tác tiền lương

Tiền lương tiếp tục được xác định gắn với NSLĐ và hiệu quả; thực hiện nguyên tắc NSLĐ tăng thì tiền lương tăng, NSLĐ giảm thì tiền lương giảm.

6. Công tác đầu tư:

Tiếp tục đầu tư đổi mới nâng cao chất lượng phương tiện vận tải và thay thế các xe đã quá cũ/sắp hết niên hạn sử dụng; tiếp tục triển khai để hoàn thiện các thủ tục dự án đầu tư cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

Một số giải pháp trọng tâm:

Trên cơ sở chủ trương, định hướng của Tập đoàn, Tổng công ty và định hướng kế hoạch năm 2021, Công ty đặt ra nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

1. Công tác an toàn

- Tổ chức tốt công tác tuyên truyền luật phòng chống tác hại của rượu bia để toàn thể người lao động, đặc biệt là đội ngũ lái xe không uống rượu bia khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông. Tuyên truyền, giáo dục lái xe nâng cao kiến thức và kỹ năng lái xe an toàn, ý thức về đạo đức nghề nghiệp, văn hóa giao thông của người lái xe.
- Bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD; tăng cường công tác kiểm tra giám sát về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường,

2. Công tác kinh doanh

- Chủ động, linh hoạt, nhạy bén thích ứng với biến động của thị trường và cơ chế kinh doanh để đạt được mục tiêu kinh doanh; nâng cao khả năng cạnh tranh thông qua tiết giảm chi phí và sử dụng nguồn lực hợp lý.
- Chú trọng công tác văn minh thương mại và giữ gìn uy tín thương hiệu Petrolimex, thương hiệu công ty. Tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm không ngừng nâng cao chất lượng vận tải, nâng cao phong cách và chất lượng phục vụ của lực lượng công nhân lái xe.
- Tổ chức tốt công tác vận tải xăng dầu bảo đảm nguồn cho các đơn vị được Tập đoàn giao nhiệm vụ, khai thác thêm nhu cầu vận tải ngoài nhiệm vụ.
- Kinh doanh xăng dầu các đơn vị cần phải năng động, sáng tạo trong kinh doanh, chủ động bám sát thị trường; tổ chức tốt công tác lập đơn hàng và bảo đảm nguồn để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Tăng cường các giải pháp tiếp thị, cơ chế bán hàng nhằm thu hút khách hàng ở cửa hàng. Đồng thời nâng cao văn minh thương mại phục

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị cơ sở đảm bảo an toàn tuyệt đối mọi mặt trong hoạt động SXKD, đồng thời tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Khai thác tốt ứng dụng phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP để kịp thời đưa ra những quyết định chính xác về công tác quản trị.

công tác an toàn tiền hàng, công tác bảo đảm an ninh, an toàn giao thông, an toàn tại các cửa hàng xăng dầu.

- Tổ chức thường xuyên các chương trình đào tạo công tác an, để đảm bảo không xảy ra bất kỳ sự cố về cháy nổ, về ATVSLĐ và BVMT, đảm bảo tuyệt đối an toàn về tài sản và con người.
- Tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ, xét nghiệm các chất gây nghiện đối với lao động lái xe. Xử lý nghiêm các lái xe biểu hiện nghiện ma túy, sử dụng các chất gây nghiện trong danh mục cấm sử dụng.

vụ tốt khách hàng, thực hiện cơ chế thưởng khuyến khích đối với cửa hàng để gia tăng sản lượng bán lẻ, nâng cao năng suất lao động

- Tiếp tục triển khai toàn bộ các cửa hàng của Công ty về nhận diện thương hiệu Petrolimex, thực hiện tốt 5S tại cửa hàng theo hướng dẫn của Tổng công ty.
- Đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ ngành.

3. Công tác tài chính

- Sử dụng hợp lý và có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ của Tập đoàn và vốn vay để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, đặc biệt là thời điểm khi cần tăng tồn kho hàng hoá.
- Tăng cường công tác kiểm soát công nợ, bảo đảm an toàn tài chính; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các khâu từ chi phí văn phòng, sử dụng lao động hợp lý, công tác đầu tư, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả.

4. Công tác quản trị nội bộ

- Rà soát để bổ sung hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ Công ty phù hợp với các quy định mới của Nhà nước, Tập đoàn và Tổng công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex.
- Tiếp tục rà soát, khảo sát các định mức chi phí vận tải đảm bảo hợp lý để nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời tạo động lực cho lái xe, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác phương tiện

V.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Kế hoạch, định hướng của HĐQT

Các nhiệm vụ giải pháp trọng tâm





Trong hoạt động kinh doanh xăng dầu

Cạnh tranh trong kinh doanh xăng dầu diễn ra gay gắt giữa các đầu mối và TNPP, số lượng cửa hàng xã hội phát triển nhanh và có các cơ chế giảm giá để thu hút khách hàng. Việc cạnh tranh còn ở nguồn hàng không rõ nguồn gốc với mức chiết khấu cao.

- Lãi gộp xăng dầu trong 6 tháng đầu năm ở mức thấp, cùng với nhiều lần giảm giá xăng dầu với biên độ cao nên ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.



- Việc đầu tư xây dựng mới CHXD trên địa bàn Hà Nội rất khó khăn do các thủ tục phức tạp, chi phí thủ tục và tiền đền bù đất phát sinh rất lớn.

- Công ty chấm dứt bán NQTM thực hiện theo chỉ đạo của Tập đoàn XDVN, sản lượng bán giảm ảnh hưởng đến chi phí và nguồn lương. Trước tình hình đó, HĐQT công ty đã tích cực, chủ động đưa nhiều giải pháp hữu hiệu, đồng bộ và tăng cường chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD của Công ty vượt qua những khó khăn thách thức, để hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao



5.1.ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ, NGÀNH

Thuận lợi

Năm 2020, thế giới phải đối diện với những rủi ro do diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, các nền kinh tế lớn đối mặt với tình trạng suy thoái sâu và tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ qua. Tuy nhiên, trong những tháng cuối năm, khi phần lớn các nền kinh tế tái khởi động sau phong tỏa do dịch Covid-19, kinh tế thế giới có những dấu hiệu khả quan hơn. Kinh tế Việt Nam đã có một năm tăng trưởng đầy bản lĩnh, Chính phủ đã có những chỉ đạo quyết liệt, kịp thời để đạt được mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh hiệu quả, vừa tận dụng tốt cơ hội, nỗ lực phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới”. Do vậy, tình hình kinh doanh của Công ty nói riêng và của Tổng công ty nói chung không bị ảnh



Khó khăn

Trong hoạt động kinh doanh vận tải

Tác động của nghị định 100 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và ảnh hưởng của dịch Covid-19 phải thực hiện giãn cách xã hội, các nhà hàng đóng cửa, dịch vụ du lịch, hàng không hạn chế tối đa, lễ hội nghiêm cấm, học sinh sinh viên nghỉ dài, đóng cửa khẩu... dẫn đến nhu cầu tiêu thụ xăng dầu giảm mạnh, sản lượng vận tải cũng giảm theo.

- Thị trường vận tải cạnh tranh gay gắt với các đơn vị tư nhân, sản lượng vận chuyển cho các đại lý, khách hàng ngày càng giảm do đại lý có xe tự vận chuyển và Công ty xăng dầu thuê xe của tư nhân vận chuyển. Vận tải cho bán khác năm 2020 chỉ bằng 76% năm 2019.

hưởng nhiều từ đại dịch Covid-19.

- Hoạt động vận tải xăng dầu của Công ty được duy trì ổn định theo sự phân công thị trường vận chuyển và giá cước của Tập đoàn.

- Hoạt động kinh doanh xăng dầu được Tập đoàn/ Tổng công ty giao mức lãi gộp bán lẻ xăng dầu 6 tháng cuối năm ổn định, bảo đảm bù đắp chi phí bán lẻ các cửa hàng. Năm 2020, công ty tận dụng cơ hội các thời điểm tăng giá xăng dầu những tháng cuối năm để dự trữ hàng và có lợi nhuận chênh lệch giá hàng tồn kho.

- Được Tập đoàn hỗ trợ một phần nguồn vốn kinh doanh với lãi suất ưu đãi giúp Công ty chủ động và hiệu quả hơn trong công tác tài chính.



- Các chi phí đầu vào của hoạt động vận tải gia tăng trong các năm qua như: chi phí tiền lương, chi phí bảo hiểm xã hội, phí đường bộ, chi phí phát sinh khác các cơ quan quản lý Nhà nước ngày càng siết chặt công tác quản lý vận tải và đặc biệt là các chi phí phát sinh trong phòng chống dịch bệnh Covid-19, làm gia tăng giá thành vận tải trong khi Tập đoàn không điều chỉnh tăng cước, chỉ điều chỉnh theo biến động giá nhiên liệu.

- Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/08/2019 của Bộ GTVT thay thế TT số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015, theo đó đã hạn chế tốc độ xe ô tô xi téc so với trước đây (giảm 20km/h), áp dụng từ 15/10/2019, cũng là yếu tố làm giảm năng suất hoạt động của phương tiện vận tải.

- Vận chuyển xăng dầu tái xuất sang Lào gặp khó khăn do Petrolimex Lào bị ảnh hưởng dịch Covid-19 phải cách ly khi xuất, nhập cảnh, xe phải chờ đợi nhiều gây lãng phí ngày xe, công ty phải bù lương.

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính năm 2020 như sau:

- Tổng sản lượng vận tải xăng dầu đạt 49,8 triệu m³.km bằng 102,4% kế hoạch và giảm 4,7% so với năm 2019 chủ yếu do vận chuyển xăng dầu tái xuất Lào giảm 68,8% so với TH năm 2019 do Petrolimex Lào khó khăn về tài chính và nhập nguồn từ Thái Lan.
- Tổng sản lượng bán xăng dầu đạt 26.819 m³ bằng 108% kế hoạch và 81% so với năm 2019. Trong đó bán lẻ là 25.500 m³ đạt 105% kế hoạch, bằng 100% so với năm 2019. Sản lượng bán NQTM giảm 83% so với TH năm 2019. Lý do: Công ty đã thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn dừng bán nhượng quyền TM từ 01/01/2020.



- Tổng lợi nhuận trước thuế: 4.650 triệu đồng đạt 108,8% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế: 3.675 triệu đồng bằng 79,4% so với thực hiện năm 2019.
- Đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động (thu nhập bình quân 10.887.000 đồng/người/tháng).
- Tỷ lệ trả cổ tức 8% (100% kế hoạch).
- Đảm bảo an toàn tuyệt đối mọi mặt hoạt động của Công ty, tình hình tài chính lành mạnh.



- Quyết định đầu tư 02 xe ô tô xitec với tổng trị giá 4.797 trđ để thay thế các xe hết niên hạn sử dụng theo quy định của Nhà nước.
- Chỉ đạo công tác đầu tư cải tạo, sửa chữa nâng cấp và dấu hiệu nhận diện thương hiệu Petrolimex các CHXD.
- Chỉ đạo, định hướng phát triển kinh doanh dịch vụ hàng hóa khác ngoài xăng dầu.
- Chỉ đạo các giải pháp để giữ các cửa hàng xăng dầu công ty đang thuê và xin thủ tục dự án đầu tư xây dựng mới cửa hàng xăng dầu để công ty phát triển bền vững.
- Chỉ đạo tổ chức hội nghị sơ kết 6 tháng, hội nghị tổng kết năm 2020.
- Chỉ đạo, định hướng công tác xây dựng kế hoạch năm 2021 và công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.



Đánh giá về các mặt hoạt động của công ty:

Năm 2020, HĐQT hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, đúng Điều lệ. HĐQT đã bám sát tình hình thực tế của công ty để triển khai đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. HĐQT đã đưa ra và triển khai nhiều giải pháp phù hợp nhằm tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Công ty và thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ.

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức họp 05 phiên để quyết định các nội dung thuộc chức trách, nhiệm vụ. Một số công việc chính HĐQT đã thực hiện như sau:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và các kế hoạch khác trình Đại hội đồng cổ đông 2020 thông qua.
- Giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020 cho các đơn vị trực thuộc Công ty.
- Thông qua các Báo cáo tài chính kiểm toán và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hàng quý và năm 2020.
- Chỉ đạo thực hiện trả cổ tức năm 2019 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu.
- Sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật, của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tổng công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex để quản lý, giám sát, điều hành hoạt động của Công ty.



5.3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

Chi tiêu kế hoạch năm 2021

Tình hình kinh doanh của công ty năm 2021 dự báo không có nhiều thay đổi so với năm 2020, vẫn phải chịu nhiều áp lực khó khăn do thị trường kinh doanh xăng dầu và vận tải xăng dầu sẽ ngày càng cạnh tranh khốc liệt, chi phí đầu vào kinh doanh vận tải phát sinh tăng, trong khi đó Tập đoàn không điều chỉnh tăng cước. Ngoài ra do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên sản lượng bán xăng dầu, vận tải xăng dầu trong quý 1/2021 của công ty bị giảm sút.

Xuất phát từ bối cảnh đó, HĐQT Công ty đề ra định hướng kế hoạch và giải pháp trọng tâm cho năm 2021



Sản lượng vận tải xăng dầu: **52,2** triệu m³.km

Tiền lương bình quân **9.997.000** đ/người/tháng

Tổng lợi nhuận trước thuế: **4.800** triệu đồng

Nợ ngân sách nhà nước **7.580** triệu đồng

Sản lượng bán xăng dầu: **27.860** m³

Trả cổ tức **8%**

5.4. Các nhiệm vụ giải pháp trọng tâm

- Bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD là mục tiêu hàng đầu, tăng cường công tác kiểm tra giám sát về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, công tác bảo đảm an toàn giao thông, công tác an ninh, an toàn tại các CHXD và phương tiện vận tải xăng dầu;
- Triển khai đồng bộ các giải pháp để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD;
- Chỉ đạo tổ chức tốt hoạt động SXKD, phát triển thị trường, khách hàng, tăng hiệu quả, chất lượng dịch vụ; tổ chức tốt công tác vận tải để

5.2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc.

Với vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của mình, HĐQT đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi sát sao hoạt động của Giám đốc và người quản lý, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động điều hành của Giám đốc, các thành viên Ban giám đốc Công ty.

HĐQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Giám đốc thông qua đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm 2020, quyết định những mục tiêu cụ thể và đề ra các chủ trương, định hướng và giải pháp trọng tâm để Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện.

Trong năm 2020, theo chỉ đạo của HĐQT, Ban điều hành đã chỉ đạo quyết liệt và thực hiện tốt



giảm giá thành; gia tăng sản lượng, năng suất lao động; đẩy mạnh phát triển kinh doanh hàng hóa khác.

- Cơ cấu lại phương tiện vận tải cho phù hợp để nâng cao hiệu suất sử dụng phương tiện, tăng năng suất, hạ giá thành vận tải. Chỉ đạo hoàn thiện các thủ tục dự án đầu tư cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
- Tiếp tục rà soát để hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với tình hình hoạt động của công ty và quy định của pháp luật hiện



chức trách, nhiệm vụ. Nhiều mặt hoạt động của Công ty được đặc biệt quan tâm như: công tác đầu tư, sử dụng hợp lý chi phí; rà soát, ban hành kịp thời các định hướng kinh tế kỹ thuật; quản lý chặt chẽ công nợ, bảo đảm an toàn tài chính và hiệu quả kinh doanh...

Nhìn chung năm 2020, Giám đốc, các thành viên Ban giám đốc và người quản lý Công ty đã thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các chỉ đạo, nghị quyết, quyết định của HĐQT. HĐQT ghi nhận đánh giá cao những thành tích và kết quả điều hành sản xuất kinh doanh 2020 của Ban Giám đốc Công ty.



hành, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản trị của công ty;

- Tiếp tục rà soát các khoản mục chi phí và triển khai các giải pháp để tiết giảm chi phí một cách hiệu quả;

VI.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Giao dịch và thu lao của HĐQT, BKS và BGD



6.1 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Tự Cường	Chủ tịch HĐQT	65.643	1,87%
2	Nguyễn Tử Bình	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	76.147	2,17%
3	Nguyễn Tiến Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	86.232	2,46%
4	Vũ Quang Tuấn	Thành viên HĐQT	114.202	3,26%
5	Bùi Trung Định	Thành viên HĐQT	173.523	4,95%

Đánh giá hoạt động của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Lê Tự Cường	Chủ tịch HĐQT	5/5	100%	
2	Nguyễn Tử Bình	Thành viên	5/5	100%	
3	Nguyễn Tiến Cường	Thành viên	5/5	100%	
4	Vũ Quang Tuấn	Thành viên	5/5	100%	
5	Bùi Trung Định	Thành viên	5/5	100%	

Công ty không có Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

TT	Số Nghị quyết/ QĐ	Ngày ban hành	Nội dung
1	79/PTSHT-NQ-HĐQT	09/01/2020	Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung
2	80/PTSHT-QĐ-HĐQT	16/01/2020	Ban hành Quy chế dân chủ tại nơi làm việc
3	81/PTSHT-QĐ-HĐQT	12/02/2020	Quy chế làm việc và phân công nhóm Người đại diện
4	82/PTSHT-QĐ-HĐQT	12/02/2020	Phê duyệt quyết toán đầu tư xe ô tô sitec
5	83/PTSHT-NQ-HĐQT	18/3/2020	Thông qua việc xin gia hạn thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ 2020
6	84/PTSHT-QĐ-HĐQT	25/6/2020	Phê duyệt đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020
7	86/QĐ-HĐQT-PTSHT	30/6/2020	Phê duyệt kế hoạch 2020
8	87/NQ-HĐQT-PTSHT	22/7/2020	Thông qua nội dung phiên họp HĐQT công ty ngày 22/7/2020
9	88/QĐ-HĐQT-PTSHT	27/7/2020	Điều chỉnh đơn giá tiền lương vận tải 2020
10	89/QĐ-HĐQT-PTSHT	29/7/2020	Ban hành Quy chế thực hiện công tác tổ chức cán bộ
11	90/QĐ-HĐQT-PTSHT	29/7/2020	Ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng
12	91/NQ-HĐQT-PTSHT	26/8/2020	Phê duyệt chủ trương ban hành Quy chế quản lý nội bộ
13	92/QĐ-HĐQT-PTSHT	27/8/2020	Ban hành Quy chế quản lý tài chính
14	93/QĐ-HĐQT-PTSHT	27/8/2020	Ban hành Quy chế quản lý công nợ
15	94/QĐ-HĐQT-PTSHT	27/8/2020	Ban hành Quy chế quản lý công tác đầu tư, xây dựng, nhượng bán, thanh lý tài sản
16	95/NQ-HĐQT-PTSHT	18/9/2020	Nghị quyết phê duyệt chủ trương ban hành Quy chế quản lý CHXD, Quy chế tuyển dụng lao động
17	96/QĐ-HĐQT-PTSHT	18/9/2020	Phê duyệt công tác cán bộ

BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu
1	Chu Đức Hậu	Trưởng Ban kiểm soát	1.094	0,03%
2	Ngô Ngọc Vĩnh	Thành viên Ban kiểm soát	7.443	0,21%
3	Trần Thị Nhung	Thành viên Ban kiểm soát	5.910	0,17%

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Chu Đức Hậu	Trưởng BKS	3/3	100%	
2	Ngô Ngọc Vĩnh	TV BKS	3/3	100%	
3	Trần Thị Nhung	TV BKS	3/3	100%	

Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm giữ quyền kiểm soát: Không có.

Các giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: Không có.

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Thị Hoàng Yến	Vợ ông Bùi Trung Định	17.712	0,51%	22.091	0,63%	Mua
2	Nguyễn Tử Bình		94.147	2,69%	76.147	2,17%	Bán
3	Lê Tự Cường		59.643	1,7%	65.643	1,87%	Mua
4	Nguyễn Tiến Cường		80.232	2,29%	86.232	2,46%	Mua
5	Ngô Thị Vui		15.326	0,44%	19.105	0,55%	Mua
6	Trần Mai Phương	Vợ ông Nguyễn Tử Bình	90.385	2,58%	115.385	3,29%	Mua
7	Nguyễn Thị Thuận	Mẹ ông Nguyễn Tử Bình	6.842	0,2%	0	0	Bán

Thù lao của HĐQT, BKS và BGĐ

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, Công ty đã thực hiện giảm 15% lương của Chủ tịch HĐQT và Giám đốc, giảm 10% lương của người quản lý công ty.

	Họ và tên	Chức danh	Lương, Thù lao
Hội đồng quản trị	Lê Tự Cường	Chủ tịch HĐQT	402.840.000
	Vũ Quang Tuấn	Thành viên HĐQT	64.716.000
	Bùi Trung Định	Thành viên HĐQT	64.716.000
	Tổng		532.272.000
Ban kiểm soát	Chu Đức Hậu	Trưởng BKS	304.060.000
	Ngô Ngọc Vĩnh	Thành viên BKS	48.528.000
	Trần Thị Nhung	Thành viên BKS	48.528.000
	Tổng		401.116.000
Ban điều hành	Nguyễn Tử Bình	Giám đốc	314.903.000
	Nguyễn Tiến Cường	Phó Giám đốc	304.060.000
	Bùi Văn Thường	Phó Giám đốc	304.060.000
	Dương Tú Oanh	Phó Giám đốc	304.060.000
	Ngô Thị Vui	Kế toán trưởng	282.770.000
	Tổng		1.509.853.000
Tổng cộng		2.443.241.000	

6.2. GIAO DỊCH VÀ THU LAO CỦA HĐQT, BKS VÀ BGĐ

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

- Giám sát hoạt động của HĐQT + Năm 2020, HĐQT đã triển khai tích cực các nhiệm vụ được đại hội đồng cổ đông giao theo đúng định hướng của Công ty + HĐQT đã tổ chức 5 phiên họp tập trung, có đầy đủ thành viên HĐQT tham gia. Các cuộc họp diễn ra nghiêm túc, các thành

viên HĐQT đều tham gia ý kiến thẳng thắn, có trách nhiệm đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT + HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định theo thẩm quyền để quản lý và định hướng các hoạt động của Công ty. - Hoạt động giám sát đối với Ban Giám đốc điều hành + Trong năm 2020, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý đã có nhiều nỗ lực triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch ĐHCĐ và HĐQT giao.

VII.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





1. Mục tiêu chung.

Trong năm 2020, các phòng ban trong PTS Hà Tây dưới sự giám sát của Ban kiểm soát đã hoạt động đúng chế độ, chính sách của Nhà nước cũng như điều lệ, kỷ luật của Công ty. Với các doanh nghiệp, ngoài cân nhắc tối đa hóa lợi nhuận, việc tìm ra một lối đi mới nhằm thực hiện tốt trách nhiệm xã hội có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Trong đó những cam kết bảo vệ môi trường hiệu quả đóng vai trò quan trọng giúp doanh nghiệp gia tăng giá trị của mình, có được lòng tin của công chúng cũng như sự đồng thuận từ phía người dân và chính quyền các cấp. Trường hợp vi phạm của

nhiều doanh nghiệp trong khoảng thời gian gần đây ở công tác xử lý chất thải trong quá trình sản xuất là bài học đắt giá về việc coi trọng lợi nhuận bất chấp hủy hoại môi trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và đời sống của người dân cư trú gần khu công nghiệp. Hàng loạt các hệ lụy đáng tiếc sẽ không xảy ra nếu doanh nghiệp có ý thức sớm hơn trong việc đề cao trách nhiệm với môi trường và cộng đồng địa phương ngay khi bắt tay vào việc xây dựng tổ hợp sản xuất. Ý thức được điều đó, Công ty luôn đề cao trách nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng địa phương trong tiến trình phát triển của mình.

2. Phát triển kinh tế địa phương.

Trong những năm qua, Công ty luôn duy trì và tăng cường mối quan hệ giữa Công ty với các cơ quan ban ngành từ trung ương đến địa phương, tổ chức xã hội và đoàn thể trong cả nước. Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển của mình, Công ty cũng đã luôn thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ nộp thuế của mình đối với Nhà nước. Kiến tạo tăng trưởng kinh tế thông qua việc tạo công ăn việc làm cho người dân tại các địa phương, thanh toán thuế, chương trình phát triển kinh tế - xã hội cho cộng đồng, quản lý tác động tới môi trường và xã hội.

3. Phát triển nhân sự.

PTS Hà Tây xác định con người đóng vai trò cốt lõi, quyết định đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trong chiến lược quản trị nguồn nhân lực Công ty tập trung vào việc xây dựng, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao; xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp để thu hút nhân tài.

Công ty luôn chăm đảm bảo cho người lao động công việc ổn định, tạo sự an toàn cho người lao động để gắn bó lâu dài. Nhân viên luôn được tôn trọng, lắng nghe và chia sẻ; mỗi nhân viên đều cảm nhận được mình là một mắt xích quan trọng trong một tập thể đoàn kết và vững mạnh. Mọi nỗ lực và thành quả của CBNV được công ty công nhận và khen thưởng kịp thời - đó là động lực rất lớn giúp nhân viên tìm thấy sự hứng khởi và sẵn sàng đón nhận những thách thức mới trong công việc.

4. Bảo vệ môi trường.

Bên cạnh việc duy trì sản xuất kinh doanh hiệu quả, đầu tư đa dạng hóa sản phẩm trên nguyên tắc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về công tác đảm bảo an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường.

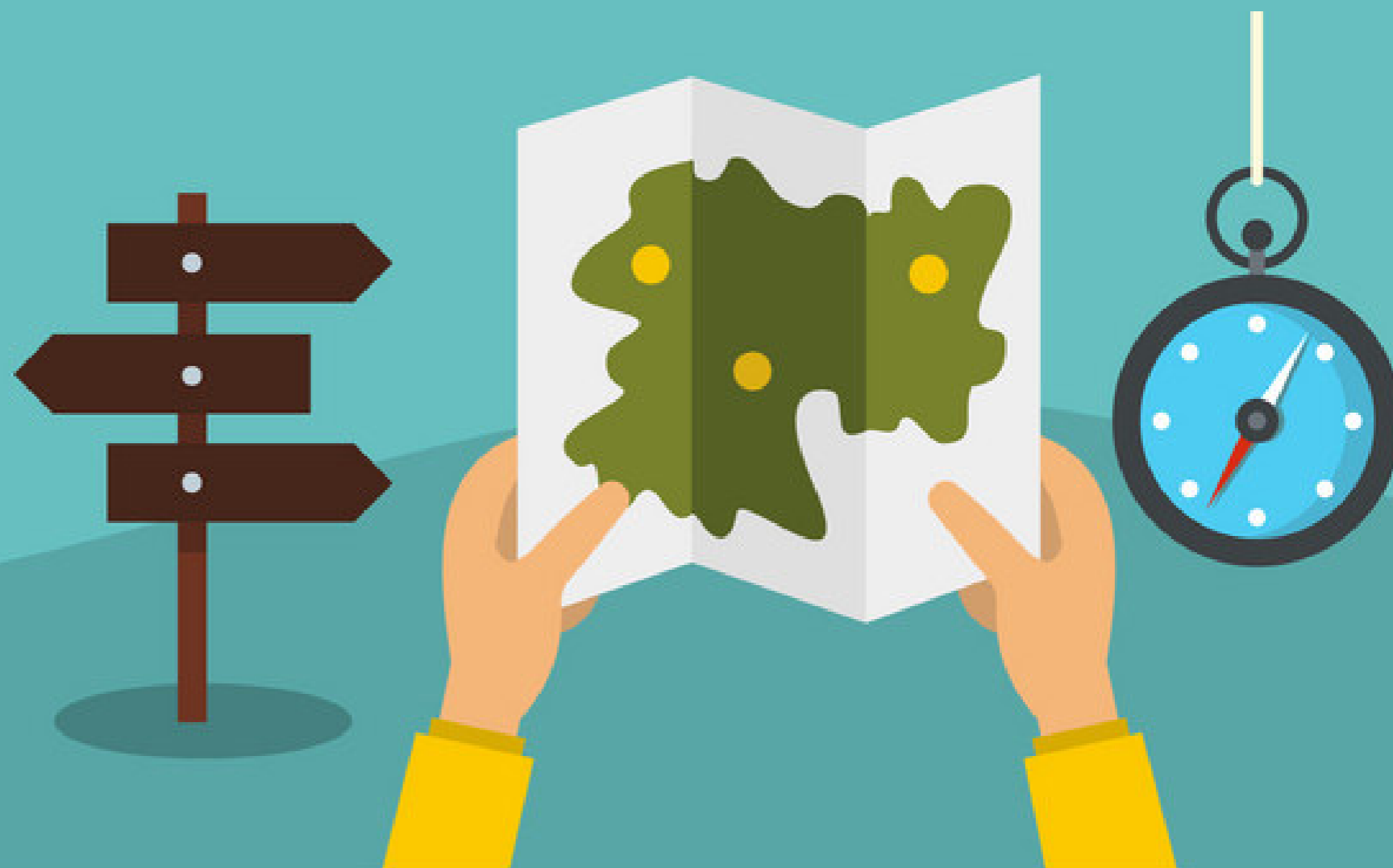
- + Thực hiện công tác tuyên truyền công nhân công trường sử dụng vật tư, nhiên liệu, điện, nước một cách hiệu quả, tránh lãng phí.
- + Áp dụng nghiêm ngặt các quy trình bảo hộ lao động, quy trình giữ vệ sinh chung tại công trường theo quy định của Công ty.
- + Khuyến khích tái sử dụng văn phòng phẩm, tiết kiệm giấy in, tái sử dụng giấy một mặt...
- + Hạn chế in ấn các tài liệu nếu không thực sự cần thiết, tăng cường trao đổi công việc qua thư điện tử, các thiết bị công nghệ...
- + Tắt các thiết bị điện, điều hòa khi không còn tiếp tục sử dụng.

Trong năm 2020 công tác bảo vệ môi trường của Công ty không để xảy ra bất kỳ sự cố nào về môi trường và không có ghi nhận vi phạm pháp luật trong các đợt thanh kiểm tra của cơ quan chức năng các cấp.



VIII.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Tự Cường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Cường	Thành viên
Ông Bùi Trung Định	Thành viên
Ông Nguyễn Tử Bình	Thành viên
Ông Vũ Quang Tuấn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Tử Bình	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18/9/2020)
Ông Lê Tự Cường	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18/9/2020)
Ông Nguyễn Tiến Cường	Phó Giám đốc
Bà Dương Tú Oanh	Phó Giám đốc
Ông Bùi Văn Thường	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Tôi, Lê Tự Cường - Chủ tịch Hội đồng quản trị, theo Quyết định số 97/QĐ-HĐ-HĐQT-PTSHT ngày 18/9/2020 của Hội đồng quản trị về việc ban hành quy định về phân công thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, phê duyệt các báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị,



Lê Tự Cường

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2021

Số: 15 /2021/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04/3/2021, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



Vũ Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1436-2018-055-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thu Hà
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2986-2019-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	
			31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.251.146.116	36.795.631.833
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		411.386.141	10.182.216.758
1. Tiền	111	5	411.386.141	10.182.216.758
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.730.099.101	13.212.677.438
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	10.151.012.905	12.803.934.678
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		418.697.200	159.167.428
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7.1	311.190.996	249.575.332
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(150.802.000)	-
III. Hàng tồn kho	140		9.760.013.742	12.095.461.991
1. Hàng tồn kho	141	10	9.760.013.742	12.095.461.991
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.349.647.132	1.305.275.646
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.1	1.158.598.719	1.286.668.459
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		191.048.413	18.607.187
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		80.325.661.459	87.399.068.416
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.230.000	39.190.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7.2	37.230.000	39.190.000
II. Tài sản cố định	220		68.012.733.260	77.103.667.665
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	66.705.006.704	75.760.598.369
- Nguyên giá	222		151.005.562.281	148.082.226.453
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.300.555.577)	(72.321.628.084)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.307.726.556	1.343.069.296
- Nguyên giá	228		1.871.985.537	1.871.985.537
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(564.258.981)	(528.916.241)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.598.181.818	410.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	2.598.181.818	410.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		9.677.516.381	9.846.210.751
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.2	9.677.516.381	9.846.210.751
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		102.576.807.575	124.194.700.249

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		52.352.217.290	73.017.432.224
I. Nợ ngắn hạn	310		33.647.784.302	41.721.876.483
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	9.226.897.989	15.226.690.109
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		51.392.630	47.636.880
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.187.273.594	772.473.939
4. Phải trả người lao động	314		238.011.857	514.408.068
5. Chi phí phải trả	315	17	98.000.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.1	280.982.954	143.681.698
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18.1	22.276.253.468	24.875.489.786
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		288.971.810	141.496.003
II. Nợ dài hạn	330		18.704.432.988	31.295.555.741
1. Phải trả dài hạn khác	337	19.2	18.704.432.988	25.395.565.741
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18.2	-	5.899.990.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.224.590.285	51.177.268.025
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	50.224.590.285	51.177.268.025
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20a	35.031.640.000	35.031.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.031.640.000	35.031.640.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	1.051.082.000	1.051.082.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	10.465.846.218	10.465.846.218
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20b	3.676.022.067	4.628.699.807
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		1.170.000	1.170.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.674.852.067	4.627.529.807
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		102.576.807.575	124.194.700.249

Người lập biểu


Đinh Xuân Vũ

Kế toán trưởng


Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2021
Chủ tịch Hội đồng quản trị


Lê Tự Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Năm 2020

Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	424.060.338.019	625.860.006.390
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		424.060.338.019	625.860.006.390
4. Giá vốn hàng bán	11	23	374.810.152.659	569.238.431.511
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		49.250.185.360	56.621.574.879
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	4.157.517	17.632.012
7. Chi phí tài chính	22	25	3.340.809.179	4.695.036.705
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.937.658.299	4.118.762.933
8. Chi phí bán hàng	25	26.1	18.955.456.485	21.071.188.182
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.2	22.451.792.748	25.530.488.727
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		4.506.284.465	5.342.493.277
11. Thu nhập khác	31	27	241.423.018	475.908.768
12. Chi phí khác	32	28	97.520.495	142.734
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		143.902.523	475.766.034
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.650.186.988	5.818.259.311
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	975.334.921	1.190.729.504
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.674.852.067	4.627.529.807
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.049	1.515

Người lập biểu


Đinh Xuân Vũ

Kế toán trưởng


Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị




Lê Tự Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2020

Mẫu số B03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.650.186.988	5.818.259.311
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12,13	13.856.074.992	13.369.109.429
- Các khoản dự phòng	03	8	150.802.000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	136.208
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	24,27	(142.038.843)	25.051.223
- Chi phí lãi vay	06	25	2.937.658.299	4.118.762.933
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21.452.683.436	23.331.319.104
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.161.295.111	1.313.958.659
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.335.448.249	(2.243.624.868)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(14.296.921.633)	(5.623.803.899)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		296.764.110	20.013.158
- Tiền lãi vay đã trả	14	25	(2.937.658.299)	(4.118.762.933)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(1.220.729.504)	(858.819.549)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(976.890.000)	(1.162.670.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.813.991.470	10.657.609.672
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	12	(4.956.409.488)	(16.354.987.456)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	27	329.272.727	938.629.142
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	4.035.017	8.735.964
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.623.101.744)	(15.407.622.350)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	13.136.860.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	18	23.415.902.740	52.356.957.228
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	18	(31.915.129.058)	(52.627.217.531)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.462.494.025)	(3.252.004.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.961.720.343)	9.614.594.822
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(9.770.830.617)	4.864.582.144
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	10.182.216.758	5.317.770.822
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(136.208)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	411.386.141	10.182.216.758

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2020.

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu: Đinh Xuân Vũ
Kế toán trưởng: Ngô Thị Vui
Chủ tịch Hội đồng quản trị: Lê Tự Cường



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây, trụ sở đặt tại Km 17, Quốc lộ 6, Đồng Mai, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 1362/2000/QĐ-BTM ngày 03/10/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ thuộc Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0500387891 ngày 14/11/2000, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 14 ngày 26/10/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ là 35.031.640.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và các hàng hoá khác;
- Bán lẻ xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và các hàng hoá khác;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu, vận tải hàng hoá bằng đường bộ.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: trong vòng 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tổng hợp: không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
A Các đơn vị trực thuộc hạch toán riêng (xác định KQKD riêng với Công ty)		
1 Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình	Xã Lâm Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình	Mua, bán xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp: các thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và báo cáo tài chính của Chi nhánh Công ty sau khi bù trừ số dư các khoản công nợ nội bộ, doanh thu và chi phí nội bộ.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Chuyển đổi ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ).

Công ty không thực hiện đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vì Ban Giám đốc xác định chênh lệch tỷ giá (nếu có) là không đáng kể.

4.4 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: tạm ứng, phải thu về bảo hiểm; ký cược, ký quỹ và các khoản khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và không đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

Công ty tính khấu hao theo sản lượng đối với các xe mua bằng tiền vay từ cán bộ công nhân viên. Mức khấu hao được tính bằng 220đ/m3/km nhân (x) với sản lượng hàng tháng của từng xe.

Đối với một số tài sản vừa sử dụng phục vụ hoạt động kinh doanh vừa để cho thuê, Công ty chưa tách riêng phần cho thuê để trình bày ở chỉ tiêu bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán. Ban Giám đốc Công ty cho rằng vấn đề này không ảnh hưởng trọng yếu đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

4.7 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Tài sản cố định vô hình bao gồm: phần mềm tự động hóa, phần mềm quản lý và quyền sử dụng đất. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02432QSD/HT ngày 21/7/2004 với diện tích 6.657,7 m², thời hạn thuê đất là 30 năm (từ 12/9/2002 đến 12/9/2032) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02433QSD/HT ngày 21/7/2004 với diện tích 9.819,72 m², thời hạn thuê đất là 50 năm (từ 31/12/2003 đến 31/12/2053) tại Xã Đồng Mai, Huyện Thanh Oai, Quận Hà Đông, TP Hà Nội;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00009 ngày 30/6/2004 với diện tích 1.035 m², thời hạn thuê đất là 30 năm (từ 30/6/2004 đến 30/6/2034) tại Xã Tân Dân, Huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT00018 ngày 10/02/2010 với diện tích 1.491,2 m², thời hạn thuê đất từ 10/02/2010 đến 10/3/2060 tại Xóm 2, Xã Sủ Ngòi, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ092066 ngày 19/10/2009 với diện tích 3.361 m², thời hạn thuê đất từ 19/10/2009 đến 30/11/2059 tại Xóm Bản, Xã Tây Phong, Huyện Cao Phong, Tỉnh Hòa Bình;
- Phần mềm tự động hoá và phần mềm quản lý các cửa hàng xăng dầu đã được khấu hao hết và còn sử dụng.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng để phục vụ cho mục đích kinh doanh và quản lý. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: chi phí bảo hiểm các loại, chi phí thuê địa điểm, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản và các chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán:

- Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải, hàng hóa, con người được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo số kỳ được bảo hiểm;
- Chi phí thuê địa điểm được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;
- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 24 tháng kể từ khi phát sinh;
- Chi phí sửa chữa tài sản, chi phí trả trước khác bao gồm chi phí sửa chữa các cửa hàng xăng dầu, phí gửi xe təc... được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 24 tháng kể từ khi phát sinh.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: cổ tức phải trả, tiền đặt cọc của lái xe, tiền vay vốn mua xe, nhận ký cược ký quỹ và các khoản khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

4.11 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay và theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay là lãi tiền vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

4.13 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là phí kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ nhưng chưa nhận được hóa đơn chứng từ.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu và phát hành bổ sung.

Trong kỳ, Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 84/PTSHT-NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/6/2020.

4.15 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động:

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá, cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã bán và cung cấp trong năm được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá và lãi mua hàng chậm trả, cụ thể như sau:

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ;
- Lãi mua hàng chậm trả là khoản lãi phát sinh do mua hàng chậm thanh toán với Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex (PTC) được ghi nhận theo thông báo lãi hàng quý.

4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng của kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí khấu hao, cước vận chuyển hàng và các chi phí khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; dự phòng phải thu khó đòi; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị...).

4.19 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6, 15, 20, 22, 34.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

5. TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	23.102.374	43.256.994
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	388.283.767	10.138.959.764
Cộng	411.386.141	10.182.216.758

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	10.151.012.905	12.803.934.678
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	7.762.020.843	8.502.946.423
<i>Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào</i>	<i>2.707.294.430</i>	<i>5.793.197.947</i>
<i>Công ty Xăng dầu Điện Biên</i>	<i>5.054.726.413</i>	<i>2.709.748.476</i>
Các khoản phải thu của khách hàng khác	2.388.992.062	4.300.988.255
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	8.630.842.637	9.407.588.686
<i>Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào</i>	<i>2.707.294.430</i>	<i>5.793.197.947</i>
<i>Công ty Xăng dầu Điện Biên</i>	<i>5.054.726.413</i>	<i>2.709.748.476</i>
<i>Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh</i>	<i>715.788.086</i>	<i>793.092.901</i>
<i>Công ty Xăng dầu Thái Bình</i>	<i>8.894.762</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Xăng dầu Bắc Thái</i>	<i>144.138.946</i>	<i>111.549.362</i>

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
7.1 Ngắn hạn	311.190.996	-	249.575.332	-
Tạm ứng	100.000.000	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	11.269.504	-	4.755.041	-
Phải thu khác	199.921.492	-	244.820.291	-
7.2 Dài hạn	37.230.000	-	39.190.000	-
Ký cược, ký quỹ	37.230.000	-	39.190.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ngắn hạn		
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng	(150.802.000)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số dư cuối năm	(150.802.000)	-
<i>Trong đó:</i>		
- Phải thu của khách hàng	(150.802.000)	-

9. NỢ XẤU

	31/12/2020 VND		01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	150.802.000	-	150.802.000	150.802.000
- Cục tài chính - Bộ Quốc Phòng	150.802.000	-	150.802.000	150.802.000
<i>Thời gian quá hạn: trên 03 năm</i>				
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	<i>150.802.000</i>	<i>-</i>	<i>150.802.000</i>	<i>150.802.000</i>

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020 VND		01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	325.096.574	-	423.872.074	-
Công cụ, dụng cụ	254.874.000	-	187.319.000	-
Hàng hóa	9.180.043.168	-	11.484.270.917	-
Cộng	9.760.013.742	-	12.095.461.991	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
11.1 Ngắn hạn	1.158.598.719	1.286.668.459
Chi phí bảo hiểm	1.114.843.516	1.263.616.335
Chi phí khác	43.755.203	23.052.124
11.2 Dài hạn	9.677.516.381	9.846.210.751
Chi phí thuê cửa hàng	6.414.462.721	7.507.666.356
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.263.053.660	1.889.802.025
Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác	-	448.742.370

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

MẪU SỐ B09 - DN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	13.177.416.366	5.451.456.959	129.125.691.764	327.661.364	148.082.226.453
Tăng trong năm	-	158.800.000	4.797.609.488	-	4.956.409.488
Mua sắm	-	158.800.000	4.797.609.488	-	4.956.409.488
Giảm trong năm	-	502.023.367	1.531.050.293	-	2.033.073.660
Thanh lý, nhượng bán	-	502.023.367	1.531.050.293	-	2.033.073.660
Số cuối năm	13.177.416.366	5.108.233.592	132.392.250.959	327.661.364	151.005.562.281
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	11.209.782.912	3.582.503.566	57.204.520.389	324.821.217	72.321.628.084
Tăng trong năm	379.039.676	426.074.457	13.012.777.972	2.840.147	13.820.732.252
Khấu hao trong năm	379.039.676	426.074.457	13.012.777.972	2.840.147	13.820.732.252
Giảm trong năm	-	502.023.367	1.339.781.392	-	1.841.804.759
Thanh lý, nhượng bán	-	502.023.367	1.339.781.392	-	1.841.804.759
Số cuối năm	11.588.822.588	3.506.554.656	68.877.516.969	327.661.364	84.300.555.577
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	1.967.633.454	1.868.953.393	71.921.171.375	2.840.147	75.760.598.369
Số cuối năm	1.588.593.778	1.601.678.936	63.514.733.990	-	66.705.006.704

Công ty đã thế chấp các tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 là 6.375.561.709 VND (tại ngày 31/12/2019 là 36.263.569.056 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 29.185.433.979 VND (tại ngày 31/12/2019 là 24.476.558.213 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	1.744.485.537	127.500.000	1.871.985.537
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	<u>1.744.485.537</u>	<u>127.500.000</u>	<u>1.871.985.537</u>
Số đầu năm	401.416.241	127.500.000	528.916.241
Tăng trong năm	35.342.740	-	35.342.740
Khấu hao trong năm	35.342.740	-	35.342.740
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	<u>436.758.981</u>	<u>127.500.000</u>	<u>564.258.981</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	1.343.069.296	-	1.343.069.296
Số cuối năm	<u>1.307.726.556</u>	<u>-</u>	<u>1.307.726.556</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 và tại ngày 31/12/2019 là 127.500.000 VND.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Số đầu năm	410.000.000	890.059.591
Tăng trong năm	7.554.591.306	16.354.987.456
Mua sắm	7.554.591.306	16.354.987.456
Giảm trong năm	5.366.409.488	16.835.047.047
Kết chuyển sang tài sản cố định	4.956.409.488	16.354.987.456
Kết chuyển sang chi phí hoạt động kinh doanh	410.000.000	480.059.591
Số cuối năm (*)	<u>2.598.181.818</u>	<u>410.000.000</u>
(*) Chi tiết:		
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Xe ô tô xitec 25m2	2.598.181.818	-
Cửa hàng Xăng dầu Đại Đồng, Thạch Thất	-	410.000.000
Cộng	<u>2.598.181.818</u>	<u>410.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	9.226.897.989	9.226.897.989	15.226.690.109	15.226.690.109
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	5.536.695.346	5.536.695.346	14.480.006.955	14.480.006.955
<i>Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex</i>	<i>4.356.399.016</i>	<i>4.356.399.016</i>	<i>14.000.294.075</i>	<i>14.000.294.075</i>
<i>Tổng công ty Hoá dầu Petrolimex - CTCP</i>	<i>1.180.296.330</i>	<i>1.180.296.330</i>	<i>479.712.880</i>	<i>479.712.880</i>
Các khoản phải trả đối tượng khác	3.690.202.643	3.690.202.643	746.683.154	746.683.154
Phải trả người bán là các bên liên quan	5.594.075.713	5.594.075.713	14.670.576.839	14.670.576.839
<i>Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex</i>	<i>4.356.399.016</i>	<i>4.356.399.016</i>	<i>14.000.294.075</i>	<i>14.000.294.075</i>
<i>Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP</i>	<i>1.180.296.330</i>	<i>1.180.296.330</i>	<i>479.712.880</i>	<i>479.712.880</i>
<i>Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>37.903.320</i>	<i>37.903.320</i>
<i>Công ty TNHH Hóa chất PTN</i>	<i>57.380.367</i>	<i>57.380.367</i>	<i>67.501.764</i>	<i>67.501.764</i>
<i>Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>85.164.800</i>	<i>85.164.800</i>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	98.975.715	6.262.738.940	5.669.674.542	692.040.113
Thuế thu nhập doanh nghiệp	594.729.502	975.334.921	1.220.729.504	349.334.919
Thuế thu nhập cá nhân	78.768.722	415.296.255	348.166.415	145.898.562
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	255.811.407	255.811.407	-
Thuế, phí, lệ phí	-	77.160.000	77.160.000	-
Cộng	772.473.939	7.986.341.523	7.571.541.868	1.187.273.594

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	98.000.000	-
Phí kiểm toán	98.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***MẪU SỐ B09 - DN****18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
18.1 Ngân hạn	24.875.489.786	24.875.489.786
Các khoản vay	24.875.489.786	24.875.489.786
18.2 Dài hạn	-	5.899.990.000
Các khoản vay	-	5.899.990.000

a. Các khoản vay

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020
	VND	trả nợ	VND	Giảm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	24.875.489.786	24.875.489.786	23.415.902.740	26.015.139.058	22.276.253.468
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - CN Hoàn Kiếm (1)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	15.000.000.000	5.000.000.000
Cá nhân (2)	12.515.485.786	12.515.485.786	13.415.902.740	8.655.135.058	17.276.253.468
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hà Nội - Vay dài hạn đến hạn trả	2.360.004.000	2.360.004.000	-	2.360.004.000	-
Vay dài hạn	5.899.990.000	5.899.990.000	-	5.899.990.000	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hà Nội	5.899.990.000	5.899.990.000	-	5.899.990.000	-
Cộng	30.775.479.786	30.775.479.786	23.415.902.740	31.915.129.058	22.276.253.468

(1) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng được rút bằng VND, chịu lãi suất 7,6%/năm. Lãi vay được trả hàng tháng theo thông báo của Ngân hàng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.

(2) Khoản vay cá nhân với kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 0,583%/tháng, không có tài sản đảm bảo. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
19.1 Ngắn hạn	280.982.954	143.681.698
Cổ tức phải trả	89.528.950	48.858.975
Các khoản phải trả, phải nộp khác	110.264.004	38.462.723
Nhận ký quỹ, ký cược	81.190.000	56.360.000
19.2 Dài hạn	18.704.432.988	25.395.565.741
Tiền đặt cọc của lái xe (1)	18.033.341.223	23.983.608.311
Tiền vay vốn mua xe (2)	671.091.765	1.411.957.430

(1): là khoản đặt cọc của lái xe để được quản lý và khai thác các xe ô tô dùng vận chuyển xăng dầu, gồm cả tiền lãi Công ty phải trả theo lãi suất huy động của Ngân hàng Nhà nước.

(2): là khoản vay các cá nhân với giá trị bằng (=) giá trị còn lại theo sổ sách của xe ô tô dùng vận chuyển xăng dầu tại thời điểm ký kết hợp đồng.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	21.894.780.000	1.051.082.000	10.465.846.218	4.295.001.085	37.706.709.303
Tăng trong năm trước	13.136.860.000	-	-	4.627.529.807	17.764.389.807
Tăng vốn	13.136.860.000	-	-	-	13.136.860.000
Lãi trong năm	-	-	-	4.627.529.807	4.627.529.807
Giảm trong năm trước	-	-	-	4.293.831.085	4.293.831.085
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.293.831.085	4.293.831.085
Số đầu năm nay	35.031.640.000	1.051.082.000	10.465.846.218	4.628.699.807	51.177.268.025
Tăng trong năm nay	-	-	-	3.674.852.067	3.674.852.067
Lãi trong năm	-	-	-	3.674.852.067	3.674.852.067
Giảm trong năm nay	-	-	-	4.627.529.807	4.627.529.807
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.627.529.807	4.627.529.807
Số cuối năm nay	35.031.640.000	1.051.082.000	10.465.846.218	3.676.022.067	50.224.590.285

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	17.867.130.000	17.867.130.000	17.867.130.000	17.867.130.000
Các cổ đông khác	17.164.510.000	17.164.510.000	17.164.510.000	17.164.510.000
Cộng	35.031.640.000	35.031.640.000	35.031.640.000	35.031.640.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

a. Vốn góp của chủ sở hữu	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Số đầu năm	35.031.640.000	21.894.780.000
Tăng trong năm	-	13.136.860.000
Tăng bằng tiền	-	13.136.860.000
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	35.031.640.000	35.031.640.000
b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Số đầu năm	4.628.699.807	4.295.001.085
Tăng trong năm	3.674.852.067	4.627.529.807
Lãi trong năm	3.674.852.067	4.627.529.807
Giảm trong năm	4.627.529.807	4.293.831.085
Phân phối lợi nhuận năm trước	4.627.529.807	4.293.831.085
<i>Chia cổ tức bằng tiền</i>	<i>3.503.164.000</i>	<i>3.284.217.000</i>
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>1.124.365.807</i>	<i>1.009.614.085</i>
Số cuối năm	3.676.022.067	4.628.699.807
c. Cổ phiếu	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.503.164	3.503.164
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.503.164	3.503.164
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.503.164</i>	<i>3.503.164</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.503.164	3.503.164
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.503.164</i>	<i>3.503.164</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

<u>Ngoại tệ các loại</u>	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Đô la Mỹ (USD)	101,56	175,27

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

22. DOANH THU

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	424.060.338.019	625.860.006.390
Doanh thu bán xăng dầu chính	322.768.951.701	513.856.527.339
Doanh thu bán dầu mỡ nhờn	6.338.596.413	5.268.070.408
Doanh thu bán hàng hóa khác	707.636.562	1.366.234.454
Doanh thu dịch vụ vận tải đường bộ	92.869.142.874	104.019.017.820
Doanh thu dịch vụ khác	1.376.010.469	1.350.156.369
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	424.060.338.019	625.860.006.390
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với các bên liên quan	91.061.912.574	101.895.940.414
<i>Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào</i>	<i>1.927.984.115</i>	<i>6.584.469.306</i>
<i>Công ty Xăng dầu Điện Biên</i>	<i>22.366.742.194</i>	<i>23.095.981.099</i>
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội</i>	<i>130.909.091</i>	<i>130.909.091</i>
<i>Công ty Xăng dầu Thái Bình</i>	<i>15.222.956</i>	<i>50.486.924</i>
<i>Công ty Xăng dầu Bắc Thái</i>	<i>1.229.126.144</i>	<i>942.082.428</i>
<i>Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình</i>	<i>52.212.468.014</i>	<i>56.587.496.922</i>
<i>Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh</i>	<i>13.164.953.824</i>	<i>14.504.514.644</i>
<i>Tổng công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex</i>	<i>14.506.236</i>	<i>-</i>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của xăng dầu chính đã bán	299.818.565.209	484.372.683.855
Giá vốn của dầu mỡ nhờn đã bán	5.828.400.604	4.811.043.620
Giá vốn của hàng hóa khác đã bán	625.002.532	1.255.068.647
Giá vốn của dịch vụ vận tải đường bộ	68.023.336.036	78.400.053.522
Giá vốn của dịch vụ khác	514.848.278	399.581.867
Cộng	374.810.152.659	569.238.431.511

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	4.035.017	8.735.964
Lãi chênh lệch tỷ giá	122.500	8.896.048
Cộng	4.157.517	17.632.012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	2.937.658.299	4.118.762.933
Lãi mua hàng trả chậm	353.824.956	547.138.233
Lỗ chênh lệch tỷ giá	49.325.924	29.135.539
Cộng	3.340.809.179	4.695.036.705

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
26.1 Chi phí bán hàng	18.955.456.485	21.071.188.182
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	10.434.162.138	10.399.487.502
<i>Chi phí nhân viên</i>	<i>10.434.162.138</i>	<i>10.399.487.502</i>
Các khoản chi phí bán hàng khác	8.521.294.347	10.671.700.680
26.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.451.792.748	25.530.488.727
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	11.083.891.883	10.872.396.095
<i>Chi phí nhân viên</i>	<i>11.083.891.883</i>	<i>10.872.396.095</i>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.367.900.865	14.658.092.632

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá trị thu hồi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	329.272.727	956.810.960
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	(191.268.901)	(492.356.738)
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	(18.181.818)
Các khoản khác	103.419.192	29.636.364
Cộng	241.423.018	475.908.768

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Các khoản bị phạt	101.383	142.734
Các khoản khác	97.419.112	-
Cộng	97.520.495	142.734

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	4.650.186.988	5.818.259.311
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	226.487.616	135.388.208
Thu nhập của HĐQT không tham gia điều hành trực tiếp	226.487.616	135.252.000
Lỗi CLTG đánh giá lại của tiền	-	136.208
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	4.876.674.604	5.953.647.519
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (5)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (6)=(4)*(5)	975.334.921	1.190.729.504

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.593.659.886	36.580.548.610
Chi phí nhân công	38.091.160.268	36.279.378.369
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.856.074.992	13.369.109.429
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.484.590.255	5.375.237.275
Chi phí bằng tiền khác	25.919.948.146	33.797.038.615
Cộng	109.945.433.547	125.401.312.298

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	3.674.852.067	4.627.529.807
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2a)</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (2b)</i>	-	1.124.365.807
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2a)-(2b)	3.674.852.067	3.503.164.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	3.503.164	2.312.543
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	1.049	1.515

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Khoản điều chỉnh giảm (2b) tại cột số liệu so sánh năm 2019 là do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 84/PTSHT-NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/6/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

32. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2020 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.20.

	Giá trị ghi số 31/12/2020 VND	Giá trị ghi số 01/01/2020 VND
Tài sản tài chính		
Tiền	411.386.141	10.182.216.758
Phải thu của khách hàng	10.000.210.905	12.803.934.678
Phải thu khác	237.151.492	284.010.291
Cộng	10.648.748.538	23.270.161.727
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	9.226.897.989	15.226.690.109
Chi phí phải trả	98.000.000	-
Phải trả khác	18.983.465.938	25.500.784.716
Vay và nợ thuê tài chính	22.276.253.468	30.775.479.786
Cộng	50.584.617.395	71.502.954.611

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

• **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ Đô la Mỹ (USD):

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính	2.709.596.302	5.797.203.211
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.301.872	4.005.264
Phải thu của khách hàng	2.707.294.430	5.793.197.947
Nợ tài chính	-	-
(Nợ)/tài sản tài chính thuần	2.709.596.302	5.797.203.211
Mức độ rủi ro tiền tệ	2.709.596.302	2.709.596.302

- *Rủi ro lãi suất*

Lãi suất của các khoản vay thay đổi theo biến động lãi suất của ngân hàng tại từng thời kỳ. Do vậy, Công ty phải chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản vay này.

• **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng và phải thu khách hàng.

Công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá. Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

• **Rủi ro thanh khoản**

Ban Giám đốc cho rằng Công ty không gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

	Đến 1 năm VND	Trên 1 năm VND
Tại 31/12/2020		
Phải trả người bán	9.226.897.989	-
Chi phí phải trả	98.000.000	-
Phải trả khác	279.032.950	18.704.432.988
Vay và nợ thuê tài chính	22.276.253.468	-
Cộng	<u>31.880.184.407</u>	<u>18.704.432.988</u>
Tại 01/01/2020		
Phải trả người bán	15.226.690.109	-
Phải trả khác	105.218.975	25.395.565.741
Vay và nợ thuê tài chính	24.875.489.786	5.899.990.000
Cộng	<u>40.207.398.870</u>	<u>31.295.555.741</u>

• **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

34. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với bên liên quan	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	345.990.176.904	560.607.350.387
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	578.348.240	1.907.743.090
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	5.869.832.496	4.233.540.839
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	341.199.672	471.184.032
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	166.616.272	244.835.709
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	22.725.373.640	4.729.985.620
Công ty TNHH hóa chất PTN	348.798.970	332.471.977
Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex	85.164.800	85.164.800
Lãi mua hàng chậm trả		
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	353.824.956	547.138.233
Vay ông Nguyễn Tiến Cường (TVHĐQT, PGĐ)		
Vay tiền	430.000.000	-
Lãi vay nhập gốc	15.184.472	20.398.200
Trả gốc vay	-	787.881.395
Cổ tức đã trả		
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	1.786.713.000	1.675.044.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị	129.425.760	135.252.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	2.348.045.724	2.594.132.800

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 bộ phận hoạt động: bộ phận vận tải, bộ phận kinh doanh xăng dầu và bộ phận khác.

Hoạt động chủ yếu của 03 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận vận tải: cung cấp dịch vụ vận tải xăng dầu đường bộ;
- Bộ phận kinh doanh xăng dầu: kinh doanh xăng dầu chính;
- Bộ phận khác: bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2020

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Cộng
Đơn vị tính: VND				
Tài sản				
Tài sản cố định	63.232.185.804	4.176.568.164	603.979.292	68.012.733.260
Xây dựng cơ bản	2.598.181.818	-	-	2.598.181.818
Các khoản phải thu	8.637.188.503	1.818.549.552	311.591.046	10.767.329.101
Hàng tồn kho	407.790.574	7.571.306.127	1.780.917.041	9.760.013.742
Tài sản không phân bổ				11.438.549.654
Cộng				<u>102.576.807.575</u>
Nợ phải trả				
Các khoản phải trả	22.055.862.988	4.356.399.016	1.308.540.786	27.720.802.790
Các khoản vay	-	22.276.253.468	-	22.276.253.468
Nợ phải trả không phân bổ				2.355.161.032
Cộng				<u>52.352.217.290</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Cộng
Doanh thu thuần	92.869.142.874	322.768.951.701	8.422.243.444	424.060.338.019
Giá vốn hàng bán	68.023.336.036	299.818.565.209	6.968.251.414	374.810.152.659
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	20.511.821.833	19.714.343.302	1.181.084.098	41.407.249.233
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	4.157.517	4.157.517
Chi phí tài chính	1.851.926.800	1.488.882.379	-	3.340.809.179
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.482.058.205	1.747.160.811	277.065.449	4.506.284.465
Lãi (lỗ) khác				143.902.523
Lợi nhuận trước thuế				4.650.186.988
Chi phí thuế TNDN				975.334.921
Lợi nhuận sau thuế				<u>3.674.852.067</u>

Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

	Vận tải	Kinh doanh hàng hóa	Khác	Cộng
Tài sản				
Tài sản cố định	71.592.628.290	4.786.345.215	724.694.160	77.103.667.665
Xây dựng cơ bản	-	410.000.000	-	410.000.000
Các khoản phải thu	9.600.330.894	2.997.028.127	654.508.417	13.251.867.438
Hàng tồn kho	611.191.074	9.578.781.830	1.905.489.087	12.095.461.991
Tài sản không phân bổ				21.333.703.155
Cộng				<u>124.194.700.249</u>
Nợ phải trả				
Các khoản phải trả	25.433.469.061	15.042.051.903	708.779.834	41.184.300.798
Các khoản vay	8.259.994.000	22.515.485.786	-	30.775.479.786
Nợ phải trả không phân bổ				1.057.651.640
Cộng				<u>73.017.432.224</u>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Cộng
Doanh thu thuần	104.019.017.820	513.856.527.339	7.984.461.231	625.860.006.390
Giá vốn hàng bán	78.400.053.522	484.372.683.855	6.465.694.134	569.238.431.511
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	20.235.063.814	25.190.771.903	1.175.841.192	46.601.676.909
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	17.632.012	17.632.012
Chi phí tài chính	2.532.724.040	2.116.152.557	46.160.108	4.695.036.705
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.851.176.444	2.176.919.024	314.397.809	5.342.493.277
Lãi (lỗ) khác				475.766.034
Lợi nhuận trước thuế				5.818.259.311
Chi phí thuế TNDN				1.190.729.504
Lợi nhuận sau thuế				<u>4.627.529.807</u>

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
LÊ TỰ CƯỜNG



PETROLIMEX

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Địa chỉ: Km17, Quốc lộ 6, Phường Đồng Mai, Quận Hà Đông, Hà Nội

Số điện thoại: 024 33535228

Số fax: 024 33531214

ptshatay.petrokimex.com.vn